

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận cho triển khai thực hiện đối với
các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chưa đăng ký
trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích
sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số
43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày
06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi
tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng
dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
914/TTr-STNMT ngày 31/12/2021 và Tờ trình số 27/TTr-STNMT ngày 13/01/2022.*



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho triển khai thực hiện đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chưa đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, cụ thể như sau:

Cho phép triển khai thực hiện đối với 1859 trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, với tổng diện tích 1.180.064,6 m² (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sau khi có Quyết định chấp thuận, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. UBND các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và thị xã Bình Long:

a) Tiến hành cập nhật danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất tại Phụ lục kèm theo Quyết định này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của địa phương.

b) Chịu trách nhiệm đối với việc chuyển mục đích sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân; phải kiểm tra, thẩm định kỹ để đảm bảo các điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo chỉ tiêu được duyệt và các điều kiện khác theo quy định; không giải quyết các trường hợp có tên trong danh sách phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất nếu không đảm bảo các điều kiện trên và các quy định có liên quan.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương nêu trên cập nhật và lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo đúng quy định.

b) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và cơ quan liên quan về danh sách, số liệu tại Tờ trình số 914/TTr-STNMT ngày 31/12/2021 và Tờ trình số 27/TTr-STNMT ngày 13/01/2022.

3. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bình Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-13-QĐ-26/01)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KI CHỮ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Huyện Bình Long

Phụ lục
DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT ĐĂNG KÝ BỔ SUNG NHU CẦU CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CÁC HUYỆN VÀ THỊ XÃ
(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 29/01/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất trước khi CMB (*)	Loại đất sau khi CMB (*)
A	Thị xã Bình Long		44.334,0				
I	Nhu cầu chuyển sang đất ở đô thị (ODT)		15.100,0				
1	Hồ Thị Tuyết Dung	An Lộc	150,0	1990	23	CLN	ODT
2	Lê Văn Sỡ	An Lộc	100,0	139	13	CLN	ODT
3	Đỗ Thị Thanh Thúy	An Lộc	100,0	956	22	CLN	ODT
4	Ngô Phương Đài	An Lộc	100,0	370	23	CLN	ODT
5	Hồ Thị Thùy An	An Lộc	100,0	184	10	CLN	ODT
6	Lê Tiến Duy	An Lộc	100,0	147	11	CLN	ODT
7	Vũ Văn Sỹ	An Lộc	100,0	15	21	CLN	ODT
8	Đinh Công Cương	An Lộc	300,0	100	22	CLN	ODT
9	Lê Thanh Hải	An Lộc	300,0	31	11	CLN	ODT
10	Lê Thanh Hải	An Lộc	300,0	16	11	CLN	ODT
11	Nguyễn Hữu Thi	An Lộc	100,0	141	21	CLN	ODT
12	Mai Thị Duyên	An Lộc	300,0	114	13	CLN	ODT
13	Đặng Văn Thơm	An Lộc	400,0	27	18	CLN	ODT
14	Nguyễn Thị Len	An Lộc	200,0	1943	22	CLN	ODT
15	Trần Văn Dũng	An Lộc	300,0	39	18	CLN	ODT
16	Châu Văn Rin	An Lộc	300,0	238	14	CLN	ODT
17	Phạm Minh Hùng	An Lộc	100,0	188	14	CLN	ODT
18	Ngô Thị Thế	An Lộc	150,0	2012	22	CLN	ODT
19	Đặng Văn Chính	An Lộc	300,0	11	18	CLN	ODT
20	Nguyễn Hữu Thân	An Lộc	300,0	23	11	CLN	ODT
21	Lê Đắc Quốc Dũng	An Lộc	200,0	390	12	CLN	ODT
22	Tạ Thị Thanh Thủy	An Lộc	100,0	834	23	CLN	ODT
23	Đinh Phúc Hiến	Phú Thịnh	200,0	368	11	CLN	ODT
24	Nguyễn Thị Thành	Phú Thịnh	50,0	369	11	CLN	ODT
25	Nguyễn Minh Quang	Phú Thịnh	200,0	208	1	CLN	ODT
26	Phạm Văn Tình	Phú Thịnh	200,0	784	2	CLN	ODT
27	Nguyễn Thị Đẹp	Phú Thịnh	300,0	1388	7	CLN	ODT
28	Trần Viết Vinh Quang	Phú Đức	150,0	581	58	CLN	ODT
29	Trần Viết Vinh Quang	Phú Đức	150,0	582	58	CLN	ODT
30	Trần Viết Vinh Quang	Phú Đức	150,0	583	58	CLN	ODT
31	Nguyễn Quang Suốt	Phú Đức	200,0	562	58	CLN	ODT
32	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Phú Đức	200,0	563	58	CLN	ODT
33	Nguyễn Văn Điền	Phú Đức	50,0	539	58	CLN	ODT
34	Nguyễn Văn Điền	Phú Đức	200,0	541	58	CLN	ODT
35	Trần Châu Thúy Hằng	Phú Đức	50,0	131	46	CLN	ONT
36	Đoàn Thị Hường	Phú Đức	100,0	553	58	CLN	ODT
37	Đoàn Thị Hường	Phú Đức	100,0	446	58	CLN	ODT
38	Trần Thị Hằng	Phú Đức	130,0	192	31	CLN	ODT
39	Trần Ngọc Anh Cao Thị Thu Thủy (ĐSH)	Phú Đức	100,0	98	51	CLN	ODT
40	Trần Văn Phương	Phú Đức	200,0	164	31	CLN	ODT
41	Hoàng Phi Hùng	Phú Đức	200,0	106	31	CLN	ODT
42	Hồ Thị Huế	Phú Đức	50,0	827	56	CLN	ODT

43	Nguyễn Thị Nhật Phương	Hung Chiến	200,0	334	3	CLN	ODT
44	Nguyễn Thị Nhật Phương	Hung Chiến	250,0	281	2	CLN	ODT
45	Nguyễn Thị Nhật Phương	Hung Chiến	250,0	282	2	CLN	ODT
46	Nguyễn Thị Thanh Loan	Hung Chiến	200,0	77	40	CLN	ODT
47	Trần Công Âu	Hung Chiến	50,0	572	30	CLN	ODT
48	Trần Quốc Cường	Hung Chiến	200,0	167	23	CLN	ODT
49	Điền Lâm	Hung Chiến	100,0	389	4	CLN	ODT
50	Điền Lâm	Hung Chiến	100,0	390	4	CLN	ODT
51	Điền Lâm	Hung Chiến	200,0	387	4	CLN	ODT
52	Lưu Thị Thắm	Hung Chiến	200,0	1093	23	CLN	ODT
53	Trương Trí Đạo	Hung Chiến	160,0	541	33	CLN	ODT
54	Lê Ngọc Trang Quỳnh	Hung Chiến	100,0	675	32	CLN	ODT
55	Phan Khắc Hậu	Hung Chiến	300,0	328	6	CLN	ODT
56	Lê Văn Tồn	Hung Chiến	200,0	196	6	CLN	ODT
57	Lã Thị Kiều Loan	Hung Chiến	200,0	223	6	CLN	ODT
58	Nguyễn Thị Ngọc Mến	Hung Chiến	300,0	138	37	CLN	ODT
59	Lê Thị Lan	Hung Chiến	300,0	134	37	CLN	ODT
60	Lê Xuân Huy	Hung Chiến	300,0	137	37	CLN	ODT
61	Tạ Văn Tiến	Hung Chiến	300,0	479	33	CLN	ODT
62	Dương Thanh Hào	Hung Chiến	200,0	181	37	CLN	ODT
63	Mai Thị Diễm	Hung Chiến	100,0	194	8	CLN	ODT
64	Hồ Văn Giang	Hung Chiến	400,0	139	51	CLN	ODT
65	Nguyễn Hoàng Thương	Hung Chiến	200,0	712	23	CLN	ODT
66	Trịnh Đình Sự	Hung Chiến	200,0	122	31	CLN	ODT
67	Huỳnh Thị Thu Sương	Hung Chiến	300,0	282	20	CLN	ODT
68	Nguyễn Thị Nhật Phương	Hung Chiến	200,0	66	3	CLN	ODT
69	Nguyễn Thị Nhật Phương	Hung Chiến	300,0	141	2	CLN	ODT
70	Phan Khắc Hậu	Hung Chiến	300,0	328	6	CLN	ODT
71	Nguyễn Thanh Sang	An Lộc	200,0	1927	22	CLN	ODT
72	Nguyễn Thị Ngọc	Hung Chiến	200,0	274	7	CLN	ODT
73	Nguyễn Thị Thảo Vy	An Lộc	60,0	1348	23	CLN	ODT
74	Nguyễn Thị Dung	Hung Chiến	50,0	10	2	CLN	ODT
75	Châu Huỳnh Long	Hung Chiến	200,0	196	23	CLN	ODT
76	Châu Nguyễn Hồng Nhung	Hung Chiến	100,0	100	23	CLN	ODT
77	Phạm Minh Hùng	An Lộc	200,0	188	14	CLN	ODT
78	Nguyễn Xuân Khánh	Phú Thịnh	150,0	810	10	CLN	ODT
79	Lê Thị Thu An	Hung Chiến	150,0	344	22	CLN	ODT
80	Phạm Minh Ngọc	An Lộc	300,0	280	14	CLN	ODT
II	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (ONT)		29.034,0				
1	Phạm Phùng Hưng	Thanh Lương	200,0	545	11	CLN	ONT
2	Lâm Quang Hiến	Thanh Lương	400,0	332	8	CLN	ONT
3	Phạm Văn Tuấn	Thanh Lương	300,0	1148	26	CLN	ONT
4	Vũ Văn Quý	Thanh Lương	400,0	789	16	CLN	ONT
5	Lê Xuân Khánh	Thanh Lương	400,0	582	22	CLN	ONT
6	Lương Đình Tây	Thanh Lương	400,0	273	20	CLN	ONT
7	Bùi Công Quân	Thanh Lương	400,0	431	34	CLN	ONT
8	Huỳnh Trúc Mai	Thanh Lương	400,0	994	26	CLN	ONT
9	Đỗ Xuân Trường	Thanh Lương	400,0	10	26	CLN	ONT
10	Trần Thị Thìn	Thanh Lương	400,0	25	7	CLN	ONT
11	Nguyễn Thị Xuân Lan	Thanh Lương	400,0	169	27	CLN	ONT
12	Nguyễn Thị Xuân Lan	Thanh Lương	400,0	168	27	CLN	ONT
13	Cao Thị Hồng Nhung	Thanh Lương	50,0	970	26	CLN	ONT
14	Nguyễn Văn Nghĩa	Thanh Lương	400,0	1064	10	CLN	ONT
15	Lê Thị Nhung	Thanh Lương	400,0	610	22	CLN	ONT

16	Nguyễn Thị Bảy	Thanh Lương	400,0	527	21	CLN	ONT
17	Nguyễn Hoàng Thiêm	Thanh Lương	400,0	66	15	CLN	ONT
18	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thanh Lương	200,0	681	6	CLN	ONT
19	Nguyễn Đức Sơn	Thanh Lương	400,0	235	31	CLN	ONT
20	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thanh Lương	300,0	430	19	CLN	ONT
21	Nguyễn Văn Thành	Thanh Lương	400,0	156	20	CLN	ONT
22	Nguyễn Văn Thành	Thanh Lương	400,0	172	20	CLN	ONT
23	Lê Thị Thu Dân	Thanh Lương	100,0	280	23	CLN	ONT
24	Hồ Thị Thùy An	Thanh Lương	400,0	13	7	CLN	ONT
25	Nguyễn Duy Sơn	Thanh Lương	200,0	414	19	CLN	ONT
26	Nguyễn Mạnh Sơn	Thanh Lương	200,0	111	31	CLN	ONT
27	Nguyễn Văn Hoàn	Thanh Lương	100,0	751	17	CLN	ONT
28	Trần Xuân Hồng	Thanh Lương	200,0	727	28	CLN	ONT
29	Lưu Đình Hiếu	Thanh Lương	200,0	194	36	CLN	ONT
30	Trần Thanh Bình	Thanh Lương	300,0	75	15	CLN	ONT
31	Nguyễn Thành Công	Thanh Lương	200,0	109	30	HNK	ONT
32	Đặng Bá Báu	Thanh Lương	200,0	993	10	CLN	ONT
33	Lê Thị Thanh Thúy	Thanh Lương	200,0	940	10	HNK	ONT
34	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh Lương	200,0	48	19	CLN	ONT
35	Nguyễn Thị The	Thanh Lương	200,0	538	22	CLN	ONT
36	Trần Văn Dũng	Thanh Lương	200,0	209	35	CLN	ONT
37	Đặng Thị Kim Chi	Thanh Lương	300,0	334	35	CLN	ONT
38	Nguyễn Thị Tre	Thanh Lương	100,0	263	5	CLN	ONT
39	Nguyễn Thị Thơm	Thanh Lương	200,0	505	11	CLN	ONT
40	Nguyễn Thị Hoà	Thanh Lương	400,0	129	36	CLN	ONT
41	Hoàng Khánh Nguyên	Thanh Lương	200,0	196	9	CLN	ONT
42	Vũ Văn Cầu	Thanh Lương	400,0	45	11	CLN	ONT
43	Phạm Thị Phin	Thanh Lương	300,0	165	11	CLN	ONT
44	Trần Văn Bình	Thanh Lương	400,0	328	35	CLN	ONT
45	Đặng Thị Kim Chi	Thanh Lương	400,0	333	35	CLN	ONT
46	Nguyễn Thị Tình	Thanh Lương	150,0	328	7	CLN	ONT
47	Nguyễn Thị Tình	Thanh Lương	200,0	18	7	CLN	ONT
48	Nguyễn Thị Tình	Thanh Lương	400,0	329	7	CLN	ONT
49	Đỗ Đức Tiến	Thanh Lương	300,0	158	20	CLN	ONT
50	Nguyễn Thị Tùng Dung	Thanh Lương	300,0	547	22	CLN	ONT
51	Lê Văn Việt	Thanh Lương	100,0	969	18	CLN	ONT
52	Trần Tất Thành	Thanh Lương	200,0	335	11	CLN	ONT
53	Nguyễn Thị Khanh	Thanh Lương	200,0	230	35	CLN	ONT
54	Nguyễn Xuân Tươi	Thanh Lương	100,0	51	7	CLN	ONT
55	Trần Đồng Minh	Thanh Lương	200,0	230	36	CLN	ONT
56	Đinh Văn Hùng	Thanh Lương	300,0	817	16	CLN	ONT
57	Đinh Văn Cường	Thanh Lương	50,0	815	16	CLN	ONT
58	Trần Quang Hạnh	Thanh Lương	50,0	816	16	CLN	ONT
59	Hoàng Văn Vĩ	Thanh Lương	100,0	102	32	CLN	ONT
60	Hoàng Văn Vĩ	Thanh Lương	100,0	103	32	CLN	ONT
61	Phạm Minh Dương	Thanh Lương	400,0	72	33	CLN	ONT
62	Nguyễn Mạnh Thái	Thanh Lương	400,0	333	26	CLN	ONT
63	Nguyễn Mạnh Thái	Thanh Lương	400,0	244	31	CLN	ONT
64	Mai Xuân Hữu	Thanh Lương	400,0	76	26	CLN	ONT
65	Bùi Thị Hoa	Thanh Lương	200,0	696	6	CLN	ONT
66	Nguyễn Văn Thành	Thanh Lương	200,0	433	22	CLN	ONT
67	Tô Thị Hùm	Thanh Lương	400,0	156C	6	CLN	ONT
68	Đoàn Thị Hiền	Thanh Lương	150,0	306	35	CLN	ONT

69	Nguyễn Thị Bích Hạnh Nguyễn Huỳnh Trinh Duy (ĐSH)	Thanh Phú	400,0	68	13	CLN	ONT
70	Dương Văn Cường	Thanh Phú	400,0	940	2	CLN	ONT
71	Phan Thanh Vệ	Thanh Phú	400,0	19	14	CLN	ONT
72	Phan Thanh Vệ	Thanh Phú	400,0	30	14	CLN	ONT
73	Phan Thanh Vệ	Thanh Phú	400,0	71	14	CLN	ONT
74	Phan Thị Nhanh	Thanh Phú	400,0	54	8	CLN	ONT
75	Phí Văn Dung	Thanh Phú	400,0	225	27	CLN	ONT
76	Nguyễn Công Thành	Thanh Phú	200,0	223	22	CLN	ONT
77	Nguyễn Thị Hoàng Linh	Thanh Phú	300,0	103	26	CLN	ONT
78	Nguyễn Thị Khang	Thanh Phú	200,0	204	40	CLN	ONT
79	Danh Sa Rươn	Thanh Phú	150,0	461	38	CLN	ONT
80	Nguyễn Văn Nhân	Thanh Phú	150,0	89	37	CLN	ONT
81	Phạm Thái Hùng	Thanh Phú	200,0	421	13	CLN	ONT
82	Nguyễn Thị Yên	Thanh Phú	200,0	41	17	CLN	ONT
83	Nguyễn Thị Hồng Sương	Thanh Phú	50,0	252	40	CLN	ONT
84	Nguyễn Văn Tinh	Thanh Phú	100,0	133	14	CLN	ONT
85	Trần Kim Thủy	Thanh Phú	400,0	155	37	CLN	ONT
86	Nguyễn Văn Nghĩa	Thanh Phú	50,0	306	37	CLN	ONT
87	Đỗ Văn Sâm	Thanh Phú	200,0	694	39	CLN	ONT
88	Nguyễn Thị Huyền	Thanh Phú	300,0	49	18	CLN	ONT
89	Nguyễn Thị Huyền	Thanh Phú	300,0	25	17	CLN	ONT
90	Vũ Thị Bình	Thanh Phú	234,0	442	39	CLN	ONT
91	Trần Tuấn Anh	Thanh Phú	250,0	293	8	CLN	ONT
92	Trần Tuấn Anh	Thanh Phú	250,0	295	8	CLN	ONT
93	Trần Hoàng Phi	Thanh Phú	250,0	294	8	CLN	ONT
94	Bùi Thị Xuân Hương	Thanh Phú	100,0	465	4	CLN	ONT
95	Nguyễn Văn Phương	Thanh Phú	400,0	406	14	CLN	ONT
96	Bùi Văn Thêm	Thanh Phú	200,0	1187	39	CLN	ONT
97	Vũ Trọng Huân	Thanh Phú	50,0	452	21	CLN	ONT
98	Nguyễn Thị Vân Anh	Thanh Phú	50,0	1306	39	CLN	ONT
99	Huỳnh Thái	Thanh Phú	400,0	368	7	CLN	ONT
100	Vũ Văn Sáng	Thanh Phú	400,0	1294	39	CLN	ONT
101	Lương Văn Khải	Thanh Lương	400,0	67	15	CLN	ONT
102	Đào Văn Phùng	Thanh Lương	200,0	103	26	CLN	ONT
103	Đào Văn Phùng	Thanh Lương	200,0	71	26	CLN	ONT
104	Nguyễn Công Thành	Thanh Lương	200,0	223	22	CLN	ONT
105	Phạm Thị Phìn	Thanh Lương	400,0	165	11	CLN	ONT
106	Lê Văn Gia	Thanh Phú	200,0	1018	39	CLN	ONT
107	Đỗ Tường Minh Quyên	Thanh Phú	400,0	1037	31	CLN	ONT
108	Đỗ Tường Minh Thư	Thanh Phú	50,0	909	31	CLN	ONT
109	Đỗ Tường Minh Thư	Thanh Phú	50,0	908	31	CLN	ONT
III	Nhu cầu chuyển sang đất TMD		200,0				
1	Lưu Thị Thắm	Hưng Chiến	200,0	1093	23	CLN	TMD
B	Bù Đóp		15.500,0				
1	Nguyễn Thị Hồng Nga	Thiện Hưng	200,0	1011	4	CLN	ONT
2	Nguyễn Hoài Sang	Thiện Hưng	500,0	140	4	CLN	ONT
3	Trần Bá Vinh	Thiện Hưng	500,0	692	5	CLN	ONT
4	Nguyễn Tấn Đạt	Thiện Hưng	500,0	716	4	CLN	ONT
5	Trương Phát Tài	Thiện Hưng	200,0	224	10	LNC	ONT
6	Hoàng Thị Nhiên	Thiện Hưng	400,0	716	4	CLN	ONT
7	Lê Thanh	Thiện Hưng	700,0	79	18	CLN	ONT
8	Lê Thanh	Thiện Hưng	400,0	78	18	CLN	ONT
9	Nguyễn Thị Hợp	Thiện Hưng	500,0	181	5	CLN	ONT

10	Phạm Thế Nhân	Thanh Hòa	500,0	23	30	LNC	ONT
11	Bùi Thị Nga	Thanh Hòa	500,0	891	39	LNC	ONT
12	Bùi Thị Nga	Thanh Hòa	500,0	890	39	LNC	ONT
13	Bùi Thị Nga	Thanh Hòa	500,0	892	39	LNC	ONT
14	Phạm Văn Nhân	Thanh Hòa	500,0	343	26	LNC	ONT
15	Hoàng Văn Năm	Thanh Hòa	100,0	256	1	CLN	ONT
16	Trần Văn Không	Thanh Hòa	300,0	48	36	CLN	ONT
17	Phan Văn Năm	Thanh Hòa	200,0	348	26	CLN	ONT
18	Trương Văn Hà	Thanh Hòa	100,0	208	20	CLN	ONT
19	Hoàng Văn Nam	Thanh Hòa	200,0	256	1	CLN	ONT
20	Lê Thị Lan	Thanh Hòa	100,0	215	11	CLN	ONT
21	Lâm Thị Tuyến	Thanh Hòa	100,0	77	20	CLN	ONT
22	Võ Thị Thu Phương	Thanh Hòa	200,0	256	10	CLN	ONT
23	Trần Văn Tân	Thanh Hòa	100,0	288	23	CLN	ONT
24	Vũ Thị Kim Anh	Tân Tiến	500,0	1035	29	LNC	ONT
25	Trần Vũ Tường Vy	Tân Tiến	1.000,0	1036	29	LNC	ONT
26	Lê Văn Toàn	Tân Tiến	400,0	228	11	LNC	ONT
27	Đỗ Thị Tám	Tân Tiến	400,0	763	29	LNC	ONT
28	Nguyễn Văn Chương	Hưng Phước	200,0	89	9	CLN	ONT
29	Nguyễn Văn Chương	Hưng Phước	100,0	81	9	CLN	ONT
30	Liên Văn Quốc	Hưng Phước	100,0	241	9	CLN	ONT
31	Nguyễn Hùng Hoàng	Hưng Phước	100,0	25	29	CLN	ONT
32	Trần Trọng Vĩnh	Phước Thiện	100,0	174	7	CLN	ONT
33	Nguyễn Thị Hoa	Phước Thiện	500,0	116	26	CLN	ONT
34	Nguyễn Thị Hường	Thanh Bình	100,0	317	18	CLN	ODT
35	Nguyễn Xuân Thanh	Thanh Bình	400,0	318	18	CLN	ODT
36	Nguyễn Ngọc Duyên	Thanh Bình	100,0	700	12	CLN	ODT
37	Nguyễn Văn Dũng	Thanh Bình	150,0	52	68	CLN	ODT
38	Nguyễn Văn Dương	Thanh Bình	150,0	53	68	CLN	ODT
39	Nguyễn Việt Toàn	Thanh Bình	100,0	14	20	CLN	ODT
40	Lê Thanh Tuấn	Thanh Bình	100,0	178	18	CLN	ODT
41	Nguyễn Văn Dương	Thanh Bình	150,0	68	53	CLN	ODT
42	Nguyễn Văn Dũng	Thanh Bình	150,0	52	68	CLN	ODT
43	Lê Văn Thành	Tân Thành	100,0	286	25	CLN	ONT
44	Nguyễn Thái Bình	Tân Thành	400,0	285	25	CLN	ONT
45	Giang Mạnh Khải	Tân Thành	300,0	287	25	CLN	ONT
46	Nguyễn Hữu Lợi	Tân Thành	100,0	283	25	CLN	ONT
47	Đinh Văn Bình	Tân Thành	700,0	145	14	CLN	ONT
48	Hoàng Phượng Vũ	Tân Thành	500,0	4	62	CLN	ONT
49	Nguyễn Văn Hiệp	Tân Thành	200,0	23	6	CLN	ONT
50	Lý Trinh Đạt	Tân Thành	100,0	133	10	CLN	ONT
51	Nguyễn Văn Khanh	Tân Thành	100,0	422	21	CLN	ONT
52	Lê Văn Thành	Tân Thành	400,0	284	25	CLN	ONT
C	Huyện Lộc Ninh		1.120.230,6				
I	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở nông thôn (ONT)		1.035.583,3				
1	Hạ Văn Hòa	Lộc An	1.000,0	128	10	CLN	ONT
2	Nguyễn Thanh Trường	Lộc An	700,0	93	13	CLN	ONT
3	Đặng Văn Hoàn	Lộc An	500,0	14	29	CLN	ONT
4	Vũ Thị Thìn	Lộc An	400,0	215	11	CLN	ONT
5	Đieu Sơn	Lộc An	800,0	944	TĐ 241-2021	CLN	ONT
6	Trần Minh Hải	Lộc An	2.100,0	88	3	CLN	ONT
7	Nguyễn Trọng Thắng	Lộc An	2.600,0	107	8	CLN	ONT
8	Phạm Ngọc Vương	Lộc An	3.500,0	81	10	CLN	ONT

9	Nguyễn Quốc Hưng	Lộc An	400,0	92	2	CLN	ONT
10	Bùi Văn Lực	Lộc An	200,0	104	10	CLN	ONT
11	Trần Thanh Sơn	Lộc An	200,0	15	3	CLN	ONT
12	Lê Hữu Phước	Lộc An	100,0	167	15	CLN	ONT
13	Lê Hữu Phước	Lộc An	100,0	19	15	CLN	ONT
14	Lê Minh Hoàng	Lộc An	500,0	20	32	CLN	ONT
15	Diệp Thị Mai	Lộc An	200,0	10	9	CLN	ONT
16	Diệp Thị Mai	Lộc An	200,0	18	9	CLN	ONT
17	Nguyễn Trung Chánh	Lộc An	200,0	254	15	CLN	ONT
18	Nguyễn Văn Bạc	Lộc An	100,0	444	2	CLN	ONT
19	Nguyễn Quốc Vương	Lộc An	800,0	31	30	CLN	ONT
20	Nguyễn Quốc Vương	Lộc An	800,0	32	30	CLN	ONT
21	Nguyễn Quốc Vương	Lộc An	800,0	33	30	CLN	ONT
22	Nguyễn Quốc Vương	Lộc An	800,0	34	30	CLN	ONT
23	Trần Văn Đạm	Lộc An	200,0	227	3	CLN	ONT
24	Trần Văn Cường	Lộc An	200,0	121	8	CLN	ONT
25	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Lộc An	800,0	106	2	CLN	ONT
26	Nguyễn Thị Vân	Lộc An	200,0	306	15	CLN	ONT
27	Nguyễn Chí Cảnh	Lộc An	200,0	63	33	CLN	ONT
28	Nguyễn Viết Linh	Lộc An	600,0	31	9	CLN	ONT
29	Hoàng Thị Thiên	Lộc An	100,0	56	11	CLN	ONT
30	Ngô Thị Kim Hồng	Lộc An	400,0	263	18	CLN	ONT
31	Đoàn Văn Huynh	Lộc An	400,0	34	34	CLN	ONT
32	Đoàn Văn Huynh	Lộc An	400,0	32	34	CLN	ONT
33	Lâm Thị Tuyết Nhung	Lộc An	1.800,0	83	26	CLN	ONT
34	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc An	400,0	62	33	CLN	ONT
35	Cao Hoàng Sơn	Lộc An	1.000,0	31	20	CLN	ONT
36	Hoàng Tấn Hợp	Lộc An	400,0	880	TĐ 3160-2021	CLN	ONT
37	Nguyễn Quốc Hưng	Lộc An	400,0	92	2	CLN	ONT
38	Nguyễn Quốc Hưng	Lộc An	400,0	93	2	CLN	ONT
39	Phạm Thị Thanh Quang	Lộc An	700,0	149	22	CLN	ONT
40	Nguyễn Văn Hoàng	Lộc An	800,0	153	22	CLN	ONT
41	Nguyễn Quốc Hưng	Lộc An	500,0	151	22	CLN	ONT
42	Nguyễn Thị Bích Ly	Lộc An	1.000,0	150	22	CLN	ONT
43	Nguyễn Văn Thiện	Lộc An	200,0	148	22	CLN	ONT
44	Nguyễn Thị Kiều Trinh	Lộc An	1.500,0	96	3	CLN	ONT
45	Trần Văn Ba	Lộc An	500,0	378	TĐ 20-2021	CLN	ONT
46	Đào Văn Hoàn	Lộc An	100,0	42	11	CLN	ONT
47	Kiều Bá Gia	Lộc An	400,0	39	9	CLN	ONT
48	Nguyễn Việt Ánh	Lộc An	400,0	392	TĐ 24-20201	CLN	ONT
49	Lê Thanh Nghị	Lộc An	1.000,0	151	15	CLN	ONT
50	Nguyễn Quốc Hưng	Lộc An	400,0	93	2	CLN	ONT
51	Nguyễn Quốc Hưng	Lộc An	400,0	92	2	CLN	ONT
52	Bùi Văn Lực	Lộc An	200,0	104	10	CLN	ONT
53	Nguyễn Châu Nhân	Lộc An	200,0	1	17	CLN	ONT
54	Trần Thu Ba	Lộc An	400,0	378	0	CLN	ONT
55	Phan Thị Thanh	Lộc An	200,0	37	34	CLN	ONT
56	Ngô Văn Dung	Lộc An	400,0	130	22	CLN	ONT
57	Trần Minh Hải	Lộc An	400,0	99	16	CLN	ONT
58	Nguyễn Thành Đồng	Lộc An	1.700,0	50, 52, 53, 68	18 (13)	CLN	ONT
59	Phạm Lương Minh Sang	Lộc An	200,0	302	15	CLN	ONT
60	Phạm Thị Thêu	Lộc An	1.000,0	52	13	CLN	ONT
61	Huỳnh Văn Lên	Lộc An	1.100,0	76	33	CLN	ONT
62	Phạm Thanh Đại	Lộc An	400,0	117	16	CLN	ONT
63	Hoàng Đình Tuyên	Lộc An	400,0	71	1	CLN	ONT

64	Bùi Văn Lực	Lộc An	1.000,0	62	14	CLN	ONT
65	Đỗ Thị Hiện	Lộc Điền	1.300,0	254	0	CLN	ONT
66	Đỗ Thị Hiện	Lộc Điền	600,0	255	0	CLN	ONT
67	Nguyễn Năm	Lộc Điền	100,0	1012	11	CLN	ONT
68	Nguyễn Hoàng Minh	Lộc Điền	200,0	595	10	CLN	ONT
69	Nguyễn Thị Tuyết	Lộc Điền	200,0	413	10	CLN	ONT
70	Võ Thị Hồng	Lộc Điền	800,0	387	13	CLN	ONT
71	Ngô Kim Hồng	Lộc Điền	100,0	572	10	CLN	ONT
72	Nguyễn Minh Trí	Lộc Điền	300,0	323	5	CLN	ONT
73	Nguyễn Thị Tâm	Lộc Điền	1.000,0	34	15	CLN	ONT
74	Hoàng Thiên Hữu	Lộc Điền	1.200,0	230	10	CLN	ONT
75	Hoàng Thiên Hữu	Lộc Điền	300,0	258	10	CLN	ONT
76	Lê Văn Thành	Lộc Điền	1.600,0	592	0	CLN	ONT
77	Lê Anh Tuấn	Lộc Điền	500,0	952	TĐ 181-2021	CLN	ONT
78	Lê Anh Tuấn	Lộc Điền	300,0	954	TĐ 183-2021	CLN	ONT
79	Lê Anh Tuấn	Lộc Điền	400,0	953	TĐ 182-2021	CLN	ONT
80	Lê Anh Tuấn	Lộc Điền	600,0	951	TĐ 180-2021	CLN	ONT
81	Lê Anh Tuấn	Lộc Điền	300,0	955	TĐ 184-2021	CLN	ONT
82	Lê Anh Tuấn	Lộc Điền	400,0	956	TĐ 185-2021	CLN	ONT
83	Lê Anh Tuấn	Lộc Điền	700,0	957	TĐ 224-2021	CLN	ONT
84	Mai Học	Lộc Điền	250,0	1018	11	CLN	ONT
85	Lê Thị Minh Huyền	Lộc Điền	400,0	538	10	CLN	ONT
86	Dương Thị Thanh Tùng	Lộc Điền	400,0	324	11	CLN	ONT
87	Dương Thị Thanh Tùng	Lộc Điền	400,0	812	11	CLN	ONT
88	Nguyễn Văn Thanh	Lộc Điền	400,0	501	10	CLN	ONT
89	Đặng Thị Sử	Lộc Điền	200,0	487	18	CLN	ONT
90	Nguyễn Hữu Hiền	Lộc Điền	100,0	439	11	CLN	ONT
91	Hồ Thế Phương	Lộc Điền	200,0	153	10	CLN	ONT
92	Ngô Đình Thịnh	Lộc Điền	500,0	336	5	CLN	ONT
93	Ngô Đình Bưởi	Lộc Điền	200,0	952	11	CLN	ONT
94	Nguyễn Ta	Lộc Điền	50,0	182	17	CLN	ONT
95	Nguyễn Văn Lợi	Lộc Điền	200,0	481	18	CLN	ONT
96	Trần Thị Sương	Lộc Điền	100,0	1013	11	CLN	ONT
97	Nguyễn Văn Thanh	Lộc Điền	800,0	103	17	CLN	ONT
98	Đặng Cừ	Lộc Điền	700,0	34	15	CLN	ONT
99	Lê Văn Đắc	Lộc Điền	500,0	223	17	CLN	ONT
100	Đặng Văn Tuấn	Lộc Điền	300,0	171	0	CLN	ONT
101	Đặng Văn Tuấn	Lộc Điền	400,0	855	TĐ 164-2020	CLN	ONT
102	Lê Văn Hệ	Lộc Điền	200,0	453	19	CLN	ONT
103	Lê Thị Phương Thúy	Lộc Điền	400,0	987	11	CLN	ONT
104	Lê Văn Thân	Lộc Điền	400,0	118	0	CLN	ONT
105	Vũ Ngọc Hạnh	Lộc Hiệp	4.000,0	145, 146	8	CLN	ONT
106	Quách Thị Trâm	Lộc Hiệp	2.400,0	732	TĐ 150-2021	CLN	ONT
107	Thạch Ngọc Vương	Lộc Hiệp	2.500,0	21	1	CLN	ONT
108	Nguyễn Ngọc Lợi	Lộc Hiệp	200,0	195	8	CLN	ONT
109	Phạm Văn Dũng	Lộc Hiệp	3.900,0	141	11	CLN	ONT
110	Trần Minh Hải	Lộc Hiệp	1.400,0	228, 157	8	CLN	ONT
111	Nguyễn Tài Long	Lộc Hiệp	900,0	33	28	CLN	ONT
112	Nguyễn Thanh Phong	Lộc Hiệp	1.200,0	2	23	LNC	ONT
113	Nguyễn Thị Thắm	Lộc Hiệp	200,0	662	TĐ-120-2021	LNC	ONT
114	Vũ Văn Quyết	Lộc Hiệp	1.300,0	654	TĐ 79-2021	CLN	ONT
115	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Hiệp	2.000,0	758	TĐ 177-2021	CLN	ONT
116	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Hiệp	1.000,0	506	TĐ 155-2020	CLN	ONT
117	Biện Xuân Sứ	Lộc Hiệp	200,0	56	28	CLN	ONT
118	Lê Xuân Vui	Lộc Hiệp	200,0	353	21	CLN	ONT

119	Phạm Văn Biết	Lộc Hiệp	800,0	34	22	CLN	ONT
120	Nguyễn Đức Hòa	Lộc Hiệp	600,0	545	TĐ 117-2020	CLN	ONT
121	Đặng Đức Tiếp	Lộc Hiệp	100,0	658	TĐ 523-2021	CLN	ONT
122	Lương Đức Quỳnh	Lộc Hiệp	500,0	33	24	CLN	ONT
123	Hoàng Thị Hà	Lộc Hiệp	100,0	680	TĐ 103-2021	CLN	ONT
124	Nguyễn Hữu Phó	Lộc Hiệp	200,0	361	22	CLN	ONT
125	Trần Thị Vui	Lộc Hiệp	1.500,0	149	21	CLN	ONT
126	Lê Xuân Vui	Lộc Hiệp	800,0	132	21	CLN	ONT
127	Trần Thị Vui	Lộc Hiệp	400,0	200	21	CLN	ONT
128	Lê Tuấn Anh	Lộc Hiệp	200,0	367	22	CLN	ONT
129	Đặng Văn Luân	Lộc Hiệp	400,0	436	21	CLN	ONT
130	Chu Thế Toán	Lộc Hiệp	100,0	335	3	CLN	ONT
131	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	Lộc Hiệp	200,0	385	21	CLN	ONT
132	Ngô Thị Trội	Lộc Hiệp	100,0	502	10	CLN	ONT
133	Ngô Thị Trội	Lộc Hiệp	100,0	498	10	CLN	ONT
134	Ngô Thị Trội	Lộc Hiệp	100,0	499	10	CLN	ONT
135	Ngô Thị Trội	Lộc Hiệp	100,0	500	10	CLN	ONT
136	Ngô Thị Trội	Lộc Hiệp	100,0	501	10	CLN	ONT
137	Ngô Thị Trội	Lộc Hiệp	100,0	503	10	CLN	ONT
138	Đỗ Văn Tiến	Lộc Hiệp	200,0	298	16	CLN	ONT
139	Đỗ Văn Tiến	Lộc Hiệp	200,0	296	16	CLN	ONT
140	Đỗ Văn Tiến	Lộc Hiệp	200,0	297	16	CLN	ONT
141	Đỗ Văn An	Lộc Hiệp	200,0	427	TĐ 201-2021	CLN	ONT
142	Nguyễn Thanh Tuấn	Lộc Hiệp	350,0	25	22	CLN	ONT
143	Nguyễn Thanh Tuấn	Lộc Hiệp	400,0	122	15	CLN	ONT
144	Chu Quang Trung	Lộc Hiệp	300,0	531	TĐ 28-2020	CLN	ONT
145	Trần Xuân Nghiêm	Lộc Hiệp	400,0	156	26	CLN	ONT
146	Đoàn Văn Thảo	Lộc Hiệp	500,0	134	11	CLN	ONT
147	Đặng Đức Danh	Lộc Hiệp	100,0	133	11	CLN	ONT
148	Mai Anh Dũng	Lộc Hiệp	200,0	264	21	CLN	ONT
149	Nguyễn Thị Hải Tính	Lộc Hiệp	100,0	232	15	CLN	ONT
150	Trần Sinh	Lộc Hiệp	200,0	33	25	CLN	ONT
151	Phạm Thị Chung	Lộc Hiệp	500,0	141	11	CLN	ONT
152	Nguyễn Trung Hiếu	Lộc Hiệp	400,0	25	12	CLN	ONT
153	Lê Thị Kim Duyên	Lộc Hiệp	150,0	161	4	CLN	ONT
154	Lê Thị Kim Duyên	Lộc Hiệp	100,0	160	4	CLN	ONT
155	Lê Thị Kim Yến	Lộc Hiệp	100,0	69	7	CLN	ONT
156	Phạm Văn Cảnh	Lộc Hiệp	100,0	75	24	CLN	ONT
157	Phạm Minh Thân	Lộc Hiệp	100,0	242	4	CLN	ONT
158	Nguyễn Văn Út	Lộc Hiệp	100,0	238	4	CLN	ONT
159	Nguyễn Thị Huệ	Lộc Hiệp	100,0	285	16	CLN	ONT
160	Trần Hồng Sang	Lộc Hiệp	400,0	644	14	CLN	ONT
161	Nguyễn Thị Hạnh	Lộc Hiệp	300,0	302	22	CLN	ONT
162	Vũ Thị Cang	Lộc Hiệp	300,0	29	23	CLN	ONT
163	Lê Thanh Tùng	Lộc Hiệp	100,0	383	15	CLN	ONT
164	Thái Thị Kiều	Lộc Hiệp	200,0	397	0	CLN	ONT
165	Nguyễn Thị Thi	Lộc Hiệp	200,0	275	3	CLN	ONT
166	Phạm Văn Lưu	Lộc Hiệp	200,0	328	22	CLN	ONT
167	Đoàn Công Trường	Lộc Hiệp	800,0	164	26	CLN	ONT
168	Phạm Văn Tài	Lộc Hiệp	100,0	183	3	CLN	ONT
169	Nguyễn Thị Thi	Lộc Hiệp	100,0	227	3	CLN	ONT
170	Nguyễn Văn Cẩm	Lộc Hiệp	100,0	631	14	CLN	ONT
171	Nguyễn Thị Hiền	Lộc Hiệp	100,0	635	14	CLN	ONT
172	Nguyễn Văn Hòa	Lộc Hiệp	600,0	92	22	CLN	ONT
173	Trần Thị Thảo Trang	Lộc Hiệp	200,0	447	10	CLN	ONT

174	Phan Thị Lệ Thủy	Lộc Hiệp	100,0	45	28	CLN	ONT
175	Nguyễn Thị Phương Linh	Lộc Hiệp	200,0	5	25	CLN	ONT
176	Bùi Thị Lụa	Lộc Hiệp	100,0	464	10	CLN	ONT
177	Bùi Đình Tọ	Lộc Hiệp	100,0	646	10	CLN	ONT
178	Trần Thị Hoang	Lộc Hiệp	100,0	561	14	CLN	ONT
179	Nguyễn Hoàng Vũ	Lộc Hiệp	400,0	207	8	CLN	ONT
180	Phạm Thị Được	Lộc Hiệp	100,0	330	22	CLN	ONT
181	Đào Văn Hồng	Lộc Hiệp	300,0	359	21	CLN	ONT
182	Nguyễn Thị Châm	Lộc Hiệp	100,0	313	22	CLN	ONT
183	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Lộc Hiệp	400,0	250	22	CLN	ONT
184	Dương Thị Dung	Lộc Hiệp	250,0	437	15	CLN	ONT
185	Nguyễn Văn Sơn	Lộc Hiệp	400,0	300	22	CLN	ONT
186	Lê Thị Kim Dễ	Lộc Hiệp	400,0	140	21	CLN	ONT
187	Nguyễn Đình Tý	Lộc Hiệp	200,0	76	27	CLN	ONT
188	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Lộc Hiệp	200,0	529	TĐ30-2020	CLN	ONT
189	Huỳnh Văn Lâm	Lộc Hiệp	400,0	395	15	CLN	ONT
190	Đặng Thành Nhân	Lộc Hiệp	400,0	75	27	CLN	ONT
191	Đặng Thành Nhân	Lộc Hiệp	250,0	234	4	CLN	ONT
192	Ngô Minh Hái	Lộc Hiệp	100,0	309	0	CLN	ONT
193	Trần Thị Kiều Oanh	Lộc Hiệp	100,0	656	14	CLN	ONT
194	Nguyễn Hồng Phượng	Lộc Hiệp	200,0	1	14	CLN	ONT
195	Trần Thị Thanh	Lộc Hiệp	300,0	654	14	CLN	ONT
196	Hà Thị Ngà	Lộc Hiệp	200,0	349	3	CLN	ONT
197	Bùi Ngọc Đôn	Lộc Hiệp	200,0	67	7	CLN	ONT
198	Lương Thị Thanh	Lộc Hiệp	200,0	205	3	CLN	ONT
199	Chương Trọng Hiền	Lộc Hiệp	100,0	69	28	CLN	ONT
200	Trần Sinh	Lộc Hiệp	200,0	33	25	CLN	ONT
201	Cù Thị Phụng	Lộc Hiệp	100,0	376	9	CLN	ONT
202	Nguyễn Văn Tiến	Lộc Hiệp	100,0	52	24	CLN	ONT
203	Phan Thị Hương	Lộc Hiệp	200,0	351	3	CLN	ONT
204	Nguyễn Đình Thuận	Lộc Hiệp	100,0	49	28	CLN	ONT
205	Nguyễn Thị Mến	Lộc Hiệp	145,0	390	15	CLN	ONT
206	Hà Thị Mỹ Dung	Lộc Hiệp	400,0	64	7	CLN	ONT
207	Phạm Văn Thành	Lộc Hiệp	400,0	373	21	CLN	ONT
208	Tạ Kim Hùng	Lộc Hiệp	100,0	344	3	CLN	ONT
209	Tạ Kim Hùng	Lộc Hiệp	200,0	2	3	CLN	ONT
210	Nguyễn Tiến Thanh	Lộc Hiệp	200,0	526	TĐ 33-2020	CLN	ONT
211	Đỗ Thị Hồng Liên	Lộc Hiệp	400,0	118	9	CLN	ONT
212	Đặng Văn Đệ	Lộc Hiệp	200,0	216	10	CLN	ONT
213	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	Lộc Hiệp	100,0	385	21	CLN	ONT
214	Hà Thúc Ân	Lộc Hiệp	300,0	506	10	CLN	ONT
215	Thạch Ngọc Vương	Lộc Hiệp	300,0	507	10	CLN	ONT
216	Đặng Thành Nhân	Lộc Hiệp	300,0	550	15	CLN	ONT
217	Đặng Thành Nhân	Lộc Hiệp	400,0	553	15	CLN	ONT
218	Đặng Thành Nhân	Lộc Hiệp	400,0	552	15	CLN	ONT
219	Nguyễn Minh Thuận	Lộc Hiệp	100,0	594	TĐ 23 2021	CLN	ONT
220	Trương Danh Giáp	Lộc Hiệp	200,0	249	4	CLN	ONT
221	Lương Thị Thanh	Lộc Hiệp	100,0	205	3	CLN	ONT
222	Lê Văn Phát	Lộc Hiệp	100,0	346	22	CLN	ONT
223	Phan Nhật Trường	Lộc Hiệp	100,0	681	TĐ-104-2021	CLN	ONT
224	Hà Văn Công	Lộc Hiệp	300,0	279	21	CLN	ONT
225	Nguyễn Tài Long	Lộc Hiệp	400,0	251	22	CLN	ONT
226	Nguyễn Tài Long	Lộc Hiệp	400,0	33	28	CLN	ONT
227	Nguyễn Thanh Phong	Lộc Hiệp	300,0	481	10	CLN	ONT
228	Nguyễn Thanh Phong	Lộc Hiệp	100,0	480	10	CLN	ONT

229	Nguyễn Thanh Phong	Lộc Hiệp	100,0	479	10	CLN	ONT
230	Nguyễn Thanh Phong	Lộc Hiệp	100,0	476	10	CLN	ONT
231	Nguyễn Thanh Phong	Lộc Hiệp	100,0	475	10	CLN	ONT
232	Nguyễn Thanh Phong	Lộc Hiệp	100,0	474	10	CLN	ONT
233	Nguyễn Ngọc Vinh	Lộc Hiệp	100,0	617	TĐ 962-2021	CLN	ONT
234	Nguyễn Ngọc Vinh	Lộc Hiệp	100,0	616	TĐ 961-2021	CLN	ONT
235	Mai Văn Học	Lộc Hiệp	100,0	613	TĐ 958-2021	CLN	ONT
236	Huỳnh Thị Nhật Linh	Lộc Hiệp	100,0	610	TĐ 955-2021	CLN	ONT
237	Cao Thanh Ngọc	Lộc Hiệp	100,0	621	TĐ 966-2021	CLN	ONT
238	Cao Thanh Ngọc	Lộc Hiệp	100,0	619	TĐ 964-2021	CLN	ONT
239	Nguyễn Đình Tiến	Lộc Hiệp	100,0	626	TĐ 971-2021	CLN	ONT
240	Trần Hoàng Minh	Lộc Hiệp	100,0	609	TĐ 954-2021	CLN	ONT
241	Nguyễn Văn Năm	Lộc Hiệp	200,0	631	TĐ 976-2021	CLN	ONT
242	Trần Hoàng Minh	Lộc Hiệp	100,0	625	TĐ 970-2021	CLN	ONT
243	Trần Văn Triển	Lộc Hiệp	100,0	624	TĐ 969-2021	CLN	ONT
244	Trần Văn Triển	Lộc Hiệp	100,0	623	TĐ 968-2021	CLN	ONT
245	Nguyễn Tấn Phát	Lộc Hiệp	100,0	622	TĐ 967-2021	CLN	ONT
246	Võ Thụy Cẩm Tú	Lộc Hiệp	100,0	615	TĐ 960-2021	CLN	ONT
247	Nguyễn Quang Huy	Lộc Hiệp	100,0	614	TĐ 959-2021	CLN	ONT
248	Lê Thị Như Thư	Lộc Hiệp	100,0	612	TĐ 957-2021	CLN	ONT
249	Huỳnh Thị Nhật Linh	Lộc Hiệp	100,0	611	TĐ 956-2021	CLN	ONT
250	Khuất Thị Hà	Lộc Hiệp	100,0	629	TĐ 974-2021	CLN	ONT
251	Cao Văn Tồn	Lộc Hiệp	100,0	627	TĐ 972-2021	CLN	ONT
252	Mai Văn Học	Lộc Hiệp	100,0	630	TĐ 975-2021	CLN	ONT
253	Nguyễn Thị Hằng	Lộc Hiệp	100,0	620	TĐ 965-2021	CLN	ONT
254	Nguyễn Hồng Hạnh	Lộc Hiệp	100,0	628	TĐ 973-2021	CLN	ONT
255	Khuất Thị Hà	Lộc Hiệp	100,0	618	TĐ 963-2021	CLN	ONT
256	Đoàn Văn Thảo	Lộc Hiệp	300,0	134	11	CLN	ONT
257	Đặng Đức Danh	Lộc Hiệp	100,0	133	11	CLN	ONT
258	Nguyễn Thị Lua	Lộc Hiệp	3.500,0	54	1	CLN	ONT
259	Nguyễn Đức Hòa	Lộc Hiệp	200,0	493	11	CLN	ONT
260	Nguyễn Đức Hòa	Lộc Hiệp	200,0	492	11	CLN	ONT
261	Nguyễn Đức Hòa	Lộc Hiệp	200,0	494	11	CLN	ONT
262	Nguyễn Đức Hòa	Lộc Hiệp	200,0	495	11	CLN	ONT
263	Nguyễn Đức Hòa	Lộc Hiệp	200,0	496	11	CLN	ONT
264	Nguyễn Đức Hòa	Lộc Hiệp	200,0	497	11	CLN	ONT
265	Trịnh Công Sơn	Lộc Hòa	1.000,0	169	0	CLN	ONT
266	Điêu Ênh	Lộc Hòa	500,0	85	9	CLN	ONT
267	Hoàng Văn Hòe	Lộc Hòa	1.000,0	61	0	CLN	ONT
268	Lê Ngọc Sơn	Lộc Hòa	2.000,0	519	TĐ 12-2021	CLN	ONT
269	Nguyễn Văn Tuấn	Lộc Hòa	1.000,0	224	14	CLN	ONT
270	Lê Văn Dân	Lộc Hòa	700,0	113	0	CLN	ONT
271	Nguyễn Văn Quý	Lộc Hòa	400,0	170	14	CLN	ONT
272	Nguyễn Hữu Công	Lộc Hòa	2.000,0	1108	TĐ 4955-2021	CLN	ONT
273	Trần Văn Minh	Lộc Hòa	2.000,0	1109	TĐ 4955-2021	CLN	ONT
274	Nguyễn Văn Bình	Lộc Hòa	3.500,0	1056	TĐ 2161-2021	CLN	ONT
275	Nguyễn Văn Hậu	Lộc Hòa	100,0	297	12	CLN	ONT
276	Đỗ Thành Nhân	Lộc Hòa	200,0	87	10	CLN	ONT
277	Trần Văn Cường	Lộc Hòa	200,0	920	TĐ 251-2021	CLN	ONT
278	Nguyễn Thị Đông	Lộc Hòa	400,0	127	14	CLN	ONT
279	Trần Văn Cường	Lộc Hòa	200,0	919	TĐ 250-2021	CLN	ONT
280	Trần Văn Tản	Lộc Hòa	300,0	205	11,00	CLN	ONT
281	Huỳnh Trọng Nghĩa	Lộc Hòa	200,0	1065	TĐ 3307-2021	CLN	ONT
282	Huỳnh Trọng Nghĩa	Lộc Hòa	200,0	1064	TĐ 3306-2021	CLN	ONT
283	Huỳnh Trọng Nghĩa	Lộc Hòa	200,0	1063	TĐ 3305-2021	CLN	ONT

284	Huỳnh Trọng Nghĩa	Lộc Hòa	400,0	1062	TĐ 3304-2021	CLN	ONT
285	Lê Thị Kén	Lộc Hòa	2.000,0	3A	10	CLN	ONT
286	Võ Văn Dũng	Lộc Hòa	500,0	205	14	CLN	ONT
287	Trần Văn Tân	Lộc Hòa	500,0	205	14	CLN	ONT
288	Phạm Văn Thanh	Lộc Hòa	300,0	205	8	CLN	ONT
289	Điều Sương	Lộc Hòa	500,0	32, 71	3	CLN	ONT
290	Nguyễn Văn Tuấn	Lộc Hòa	300,0	137	TĐ 14-2021	CLN	ONT
291	Bùi Thị Ngọc Lan	Lộc Hòa	300,0	987	3	CLN	ONT
292	Đoàn Thanh Dưỡng	Lộc Hòa	400,0	99	6	CLN	ONT
293	Lê Thị Kén	Lộc Hòa	800,0	22	16	CLN	ONT
294	Đinh Ngọc Linh	Lộc Hòa	500,0	77	10	CLN	ONT
295	Điều Đương	Lộc Hòa	600,0	173	20	CLN	ONT
296	Điều Quy	Lộc Hòa	300,0	152	20	CLN	ONT
297	Ngô Thị Tha	Lộc Hòa	300,0	263	0	CLN	ONT
298	Đoàn Công Trang	Lộc Hòa	1.500,0	310	TĐ 03-2021	CLN	ONT
299	Bùi Văn Trư	Lộc Hòa	500,0	637	TĐ 04-2021	CLN	ONT
300	Phạm Văn Đợi	Lộc Hòa	500,0	895	TĐ 154-2020	CLN	ONT
301	Nguyễn Văn Thuyết	Lộc Hòa	1.000,0	137	0	CLN	ONT
302	Hoàng Chuẩn	Lộc Hòa	1.000,0	46	0	CLN	ONT
303	Huỳnh Tấn Cường	Lộc Hòa	1.000,0	50	15	CLN	ONT
304	Nguyễn Thành Lập	Lộc Hòa	400,0	164	13	CLN	ONT
305	Nguyễn Thị Hoa	Lộc Hòa	200,0	297	12	CLN	ONT
306	Phạm Anh Tuấn	Lộc Hưng	200,0	616	13	CLN	ONT
307	Hoàng Đình Trung	Lộc Hưng	3.000,0	145	24	CLN	ONT
308	Hà Công Sơn	Lộc Hưng	4.000,0	3	4	CLN	ONT
309	Huỳnh Công Rạng	Lộc Hưng	1.000,0	805	19	CLN	ONT
310	Khuur Hồng Phụng	Lộc Hưng	100,0	1391	TĐ 299-2021	CLN	ONT
311	Dương Đình Trí	Lộc Hưng	100,0	1395	TĐ 303-2021	CLN	ONT
312	Dương Đình Trí	Lộc Hưng	100,0	1394	TĐ 302-2021	CLN	ONT
313	Nguyễn Thị Thủy	Lộc Hưng	100,0	2081	16	CLN	ONT
314	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	300,0	315	1	CLN	ONT
315	Trần Xuân Nghiêm	Lộc Hưng	300,0	316	1	CLN	ONT
316	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	300,0	317	1	CLN	ONT
317	Trần Văn Hòa	Lộc Hưng	100,0	408	13	CLN	ONT
318	Trần Văn Lâm	Lộc Hưng	500,0	40	4	CLN	ONT
319	Nguyễn Lê Sương	Lộc Hưng	350,0	23	2	CLN	ONT
320	Hồ Viết Tuấn	Lộc Hưng	100,0	999	TĐ 2631 – 2020	CLN	ONT
321	Nguyễn Hữu Sơn	Lộc Hưng	100,0	996	TĐ 2628 – 2020	CLN	ONT
322	Nguyễn Hữu Sơn	Lộc Hưng	100,0	997	TĐ 2629 – 2020	CLN	ONT
323	Nguyễn Hữu Sơn	Lộc Hưng	200,0	998	TĐ 2630 – 2020	CLN	ONT
324	Nguyễn Ngọc Hạnh	Lộc Hưng	3.200,0	184	15	CLN	ONT
325	Nguyễn Ngọc Hạnh	Lộc Hưng	600,0	1533	11	CLN	ONT
326	Bùi Thị Ngoan	Lộc Hưng	450,0	27	13	CLN	ONT
327	Nguyễn Thị Thu Hiền	Lộc Hưng	700,0	782	19	CLN	ONT
328	Hứa Huy Long	Lộc Hưng	2.700,0	33	12	CLN	ONT
329	Phạm Văn Lục	Lộc Hưng	500,0	673	20	CLN	ONT
330	Phạm Văn Lục	Lộc Hưng	700,0	672	20	CLN	ONT
331	Phạm Văn Lục	Lộc Hưng	700,0	671	20	CLN	ONT
332	Phạm Văn Lục	Lộc Hưng	200,0	670	20	CLN	ONT
333	Trần Đức Trí	Lộc Hưng	600,0	214	2	CLN	ONT
334	Trần Đức Trí	Lộc Hưng	400,0	215	2	CLN	ONT
335	Nguyễn Hữu Lợi	Lộc Hưng	2.000,0	158	2	CLN	ONT
336	Nguyễn Văn Thỏ	Lộc Hưng	400,0	1074	19	CLN	ONT
337	Nguyễn Văn Thỏ	Lộc Hưng	800,0	1075	19	CLN	ONT
338	Nguyễn Thị Thùy Dương	Lộc Hưng	3.000,0	585	3	CLN	ONT

339	Huỳnh Trung Ngôn	Lộc Hưng	400,0	694	6	CLN	ONT
340	Hoàng Thiên Hữu	Lộc Hưng	700,0	134	3	CLN	ONT
341	Phan Thành Điệp	Lộc Hưng	400,0	223	2	CLN	ONT
342	Phạm Thị Hồng	Lộc Hưng	400,0	222	2	CLN	ONT
343	Nguyễn Thị Liên	Lộc Hưng	300,0	657	6	CLN	ONT
344	Huỳnh Sơn Hứa	Lộc Hưng	200,0	156	12	HNK	ONT
345	Huỳnh Sơn Hứa	Lộc Hưng	200,0	155	12	HNK	ONT
346	Nguyễn Minh Sơn	Lộc Hưng	1.000,0	814	12	CLN	ONT
347	Nguyễn Minh Sơn	Lộc Hưng	900,0	825	12	CLN	ONT
348	Nguyễn Văn Tiu	Lộc Hưng	150,0	270	20	CLN	ONT
349	Nguyễn Thị Huệ Lan	Lộc Hưng	400,0	1096	16	CLN	ONT
350	Võ Văn Xô	Lộc Hưng	400,0	1514	11	CLN	ONT
351	Huỳnh Thị Minh Hậu	Lộc Hưng	400,0	26	6	CLN	ONT
352	Lê Trung Chánh	Lộc Hưng	50,0	633	0	CLN	ONT
353	Nguyễn Thị Lý	Lộc Hưng	600,0	455	TĐ 1645-2021	CLN	ONT
354	Nguyễn Thị Hiền	Lộc Hưng	200,0	744	16	CLN	ONT
355	Nguyễn Ngọc Hạnh	Lộc Hưng	1.500,0	364	0	CLN	ONT
356	Nguyễn Ngọc Hạnh	Lộc Hưng	1.500,0	365	0	CLN	ONT
357	Hoàng Tiến Sỹ	Lộc Hưng	100,0	208	18	CLN	ONT
358	Hoàng Tiến Sỹ	Lộc Hưng	100,0	205	18	CLN	ONT
359	Hoàng Tiến Sỹ	Lộc Hưng	100,0	209	18	CLN	ONT
360	Hoàng Tiến Sỹ	Lộc Hưng	100,0	211	18	CLN	ONT
361	Hoàng Tiến Sỹ	Lộc Hưng	100,0	206	18	CLN	ONT
362	Hoàng Tiến Sỹ	Lộc Hưng	100,0	212	18	CLN	ONT
363	Nguyễn Hoàng Thành	Lộc Hưng	1.000,0	2101	9	CLN	ONT
364	Trần Thị Anh Tuyền	Lộc Hưng	1.400,0	200	1	CLN	ONT
365	Nguyễn Hoàng Thành	Lộc Hưng	1.000,0	2102	9	CLN	ONT
366	Lâm Trước Đông	Lộc Hưng	100,0	991	3	CLN	ONT
367	Thái Thị Kim Phụng	Lộc Hưng	100,0	990	3	CLN	ONT
368	Nguyễn Hoàng Thành	Lộc Hưng	9.900,0	890	9	CLN	ONT
369	Thái Thị Kim Phụng	Lộc Hưng	100,0	992	3	CLN	ONT
370	Tô Thị Duyên	Lộc Hưng	100,0	577	TĐ 153-2019	CLN	ONT
371	Nguyễn Hoàng Thành	Lộc Hưng	1.000,0	2132	9	CLN	ONT
372	Trịnh Kim Dung	Lộc Hưng	400,0	585	3	CLN	ONT
373	Lê Đăng Khôi	Lộc Hưng	1.100,0	32	16	CLN	ONT
374	Nguyễn Hoàng Thành	Lộc Hưng	9.900,0	231	15	CLN	ONT
375	Trần Thị Vững	Lộc Hưng	400,0	1	0	CLN	ONT
376	Đinh Thị Nguyệt	Lộc Hưng	400,0	138	1	CLN	ONT
377	Nguyễn Thị Ly	Lộc Hưng	600,0	455	TĐ 1645-2021	CLN	ONT
378	Trần Vũ Ngân Dương	Lộc Hưng	2.100,0	491	7	CLN	ONT
379	Huỳnh Văn Thạch	Lộc Hưng	100,0	714	6	CLN	ONT
380	Huỳnh Văn Thạch	Lộc Hưng	200,0	715	6	CLN	ONT
381	Lê Đăng Khôi	Lộc Hưng	1.700,0	3	11	CLN	ONT
382	Nguyễn Ngọc Hạnh	Lộc Hưng	3.100,0	184	15	CLN	ONT
383	Thái Thị Thu Hương	Lộc Hưng	300,0	426	18	CLN	ONT
384	Đào Duy Hải	Lộc Hưng	100,0	527	TĐ 41-2019	CLN	ONT
385	Phạm Thị Thúy Nga	Lộc Hưng	400,0	241	15	CLN	ONT
386	Nguyễn Ngọc Phước	Lộc Hưng	400,0	576	7	CLN	ONT
387	Nguyễn Ngọc Phước	Lộc Hưng	400,0	575	7	CLN	ONT
388	Nguyễn Ngọc Phước	Lộc Hưng	400,0	572	7	CLN	ONT
389	Nguyễn Thị Huyền Trang	Lộc Hưng	100,0	1438	11	CLN	ONT
390	Phạm Thanh Tú	Lộc Hưng	200,0	594	13	CLN	ONT
391	Lương Viết Đình	Lộc Hưng	4.600,0	1435	TĐ 4623-201	CLN	ONT
392	Lê Đăng Khôi	Lộc Hưng	2.000,0	79	13	CLN	ONT
393	Lê Văn Tâm	Lộc Hưng	100,0	1443	11	CLN	ONT

394	Trần Minh Thanh	Lộc Hưng	300,0	624	6	CLN	ONT
395	Phạm Bích Thủy	Lộc Hưng	200,0	1439	11	CLN	ONT
396	Ngô Văn Phú	Lộc Hưng	100,0	629	7	CLN	ONT
397	Nguyễn Hà Triều	Lộc Hưng	200,0	694	6	CLN	ONT
398	Dương Thị Phương Lan	Lộc Hưng	300,0	633	20	CLN	ONT
399	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	200,0	1343	TĐ 214-2021	CLN	ONT
400	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	200,0	1342	TĐ 213-2021	CLN	ONT
401	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	100,0	1344	TĐ 251-2021	CLN	ONT
402	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	400,0	1332	TĐ 203-2021	CLN	ONT
403	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	400,0	1333	TĐ 204-2021	CLN	ONT
404	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	400,0	1334	TĐ 205-2021	CLN	ONT
405	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	400,0	1335	TĐ 206-2021	CLN	ONT
406	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	400,0	1336	TĐ 207-2021	CLN	ONT
407	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	400,0	1337	TĐ 208-2021	CLN	ONT
408	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	400,0	1338	TĐ 209-2021	CLN	ONT
409	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	400,0	1339	TĐ 210-2021	CLN	ONT
410	Hà Thị Kim Quy	Lộc Hưng	400,0	1340	TĐ 211-2021	CLN	ONT
411	Nguyễn Vũ Thuận	Lộc Hưng	400,0	11	6	CLN	ONT
412	Lâm Ngọc Lịch	Lộc Hưng	500,0	1573	11	CLN	ONT
413	Lâm Ngọc Lịch	Lộc Hưng	600,0	1574	11	CLN	ONT
414	Trần Văn Mạnh	Lộc Hưng	400,0	1347	TĐ 232-2021	CLN	ONT
415	Hoàng Lê Dũng	Lộc Hưng	400,0	1350	TĐ 235-2021	CLN	ONT
416	Huỳnh Anh Tính	Lộc Hưng	400,0	1351	TĐ 236-2021	CLN	ONT
417	Dương Đình Trí	Lộc Hưng	400,0	1348	TĐ 233-2021	CLN	ONT
418	Dương Đình Trí	Lộc Hưng	400,0	1349	TĐ 234-2021	CLN	ONT
419	Hoàng Phi Hải	Lộc Hưng	1.500,0	5	2	CLN	ONT
420	Lê Thanh Hà	Lộc Hưng	200,0	990	3	CLN	ONT
421	Phan Xuân Thanh	Lộc Hưng	300,0	1532	11	CLN	ONT
422	Phạm Hữu Bình	Lộc Hưng	1.000,0	1588	11	CLN	ONT
423	Lê Xuân Khánh	Lộc Hưng	400,0	535	11	CLN	ONT
424	Trần Văn Chung	Lộc Hưng	200,0	154	2	CLN	ONT
425	Trần Văn Tú	Lộc Hưng	300,0	155	2	CLN	ONT
426	Lê Anh Tuấn	Lộc Hưng	1.000,0	1081	TĐ 334-2021	CLN	ONT
427	Lê Đăng Úy	Lộc Hưng	600,0	365	20	CLN	ONT
428	Trần Thành Luân	Lộc Hưng	400,0	1077	TĐ 330-2021	CLN	ONT
429	Trần Thành Luân	Lộc Hưng	400,0	1079	TĐ 332-2021	CLN	ONT
430	Lê Đăng Khôi	Lộc Hưng	1.100,0	1199	11	CLN	ONT
431	Nguyễn Văn Ninh	Lộc Hưng	400,0	1080	TĐ 333-2021	CLN	ONT
432	Lê Anh Tuấn	Lộc Hưng	400,0	1078	TĐ 331-2021	CLN	ONT
433	Trần Văn Hòa	Lộc Hưng	400,0	402	7	CLN	ONT
434	Trần Thành Luân	Lộc Hưng	3.000,0	585	3	CLN	ONT
435	Đoàn Văn Hồ Nhỏ	Lộc Hưng	300,0	2168	9	CLN	ONT
436	Võ Phi Hùng	Lộc Hưng	100,0	290	1	CLN	ONT
437	Võ Phi Hùng	Lộc Hưng	200,0	287	1	CLN	ONT
438	Võ Phi Hùng	Lộc Hưng	200,0	289	1	CLN	ONT
439	Võ Phi Hùng	Lộc Hưng	200,0	288	1	CLN	ONT
440	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	100,0	190	2	CLN	ONT
441	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	100,0	189	2	CLN	ONT
442	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	100,0	188	2	CLN	ONT
443	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	100,0	187	2	CLN	ONT
444	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	100,0	186	2	CLN	ONT
445	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	100,0	185	2	CLN	ONT
446	Trần Xuân Nghiêm	Lộc Hưng	100,0	184	2	CLN	ONT
447	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	100,0	200	2	CLN	ONT
448	Võ Phi Hùng	Lộc Hưng	100,0	180	2	CLN	ONT

449	Phạm Hoàng Trọng	Lộc Hưng	500,0	267	18	CLN	ONT
450	Lê Minh Sâm	Lộc Hưng	200,0	205	15	CLN	ONT
451	Châu Lan	Lộc Hưng	200,0	1540	11	CLN	ONT
452	Lâm Ươn	Lộc Hưng	200,0	1539	11	CLN	ONT
453	Nguyễn Thành Tâm	Lộc Hưng	100,0	1090	16	CLN	ONT
454	Đinh Văn Lê	Lộc Hưng	200,0	454	16	CLN	ONT
455	Trần Thị Hằng	Lộc Hưng	400,0	1367	11	CLN	ONT
456	Trần Văn Hưng	Lộc Hưng	1.500,0	761	TĐ 458-2020	CLN	ONT
457	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	600,0	1452	11	CLN	ONT
458	Trần Thành Luân	Lộc Hưng	200,0	1169	TĐ 816-2020	CLN	ONT
459	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	200,0	1168	TĐ 817-2021	CLN	ONT
460	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	300,0	646	TĐ 422-2019	CLN	ONT
461	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1236	TĐ 761-2021	CLN	ONT
462	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1237	TĐ 762-2021	CLN	ONT
463	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1238	TĐ 763-2021	CLN	ONT
464	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1239	TĐ 764-2021	CLN	ONT
465	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1240	TĐ 765-2021	CLN	ONT
466	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1241	TĐ 766-2021	CLN	ONT
467	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1242	TĐ 767-2021	CLN	ONT
468	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1243	TĐ 768-2021	CLN	ONT
469	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1244	TĐ 769-2021	CLN	ONT
470	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	400,0	1245	TĐ 770-2021	CLN	ONT
471	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	600,0	1246	TĐ 771-2021	CLN	ONT
472	Lê Văn Thành	Lộc Hưng	600,0	1247	TĐ 651-2021	CLN	ONT
473	Trần Xuân Nghiêm	Lộc Hưng	200,0	185	2	CLN	ONT
474	Võ Phi Hùng	Lộc Hưng	100,0	180	2	CLN	ONT
475	Võ Phi Hùng	Lộc Hưng	100,0	181	2	CLN	ONT
476	Nguyễn Ngọc Phước	Lộc Hưng	200,0	596	7	CLN	ONT
477	Lê Xuân Khánh	Lộc Hưng	1.500,0	535	11	CLN	ONT
478	Phạm Thị Huyền	Lộc Hưng	100,0	297	1	CLN	ONT
479	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Lộc Hưng	100,0	298	1	CLN	ONT
480	Trần Thị Thu Thủy	Lộc Hưng	200,0	709; 710	6	CLN	ONT
481	Vũ Văn Mão	Lộc Hưng	100,0	2	2	CLN	ONT
482	Phạm Quốc Linh	Lộc Hưng	400,0	641	TĐ 417-2019	CLN	ONT
483	Trần Xuân Nghiêm	Lộc Hưng	400,0	155	7	CLN	ONT
484	Trần Xuân Nghiêm	Lộc Hưng	100,0	182	2	CLN	ONT
485	Trần Văn Tú	Lộc Hưng	300,0	155	2	CLN	ONT
486	Trần Văn Chung	Lộc Hưng	200,0	154	2	CLN	ONT
487	Lê Nguyễn Minh	Lộc Hưng	600,0	10	6	CLN	ONT
488	Đào Duy Hải	Lộc Hưng	300,0	501	14	CLN	ONT
489	Võ Thị Huệ	Lộc Hưng	100,0	200	2	CLN	ONT
490	Trần Văn Truyền	Lộc Hưng	350,0	104	1	CLN	ONT
491	Nguyễn Văn Hòa	Lộc Hưng	350,0	99	1	CLN	ONT
492	Ngô Thanh Hiếu	Lộc Hưng	300,0	130; 134	3	CLN	ONT
493	Ngô Thanh Hải	Lộc Hưng	300,0	2058	16	CLN	ONT
494	Phùng Thị Nguyệt Nga	Lộc Hưng	50,0	1119	16	CLN	ONT
495	Nguyễn Thị Ngọc Xoàng	Lộc Hưng	150,0	734	19	CLN	ONT
496	Nguyễn Thị Hiệp	Lộc Hưng	200,0	1151	16	CLN	ONT
497	Nguyễn Thanh Sơn	Lộc Hưng	100,0	1120	16	CLN	ONT
498	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Lộc Hưng	150,0	235	3	CLN	ONT
499	Võ Thành Công	Lộc Hưng	400,0	126	TĐ 190-2021	CLN	ONT
500	Phạm Hoàng Trọng	Lộc Hưng	300,0	562	TĐ 54 -2019	CLN	ONT
501	Phan Văn Điều	Lộc Hưng	300,0	5	20	CLN	ONT
502	Tiêu Văn Lâm	Lộc Hưng	2.000,0	562	7	CLN	ONT
503	Nguyễn Thị Hóa	Lộc Hưng	150,0	69	13	CLN	ONT

504	Phạm Văn Lê	Lộc Hưng	350,0	156	7	CLN	ONT
505	Nguyễn Xuân Thanh	Lộc Hưng	350,0	817	12	CLN	ONT
506	Lê Thị Thanh	Lộc Hưng	100,0	744	14	CLN	ONT
507	Lê Xuân Thành	Lộc Hưng	100,0	808	TĐ 305-2020	CLN	ONT
508	Lê Văn Thông	Lộc Hưng	400,0	1052	11	CLN	ONT
509	Trần Thị Quýt	Lộc Hưng	100,0	1148	11	CLN	ONT
510	Đinh Văn Lê	Lộc Hưng	200,0	454	16	CLN	ONT
511	Đậu Văn Định	Lộc Hưng	100,0	903	16	CLN	ONT
512	Nguyễn Thị Ny	Lộc Hưng	100,0	160	19	CLN	ONT
513	Trần Thị Minh Hót	Lộc Hưng	200,0	846	19	CLN	ONT
514	Nguyễn Minh Dương	Lộc Hưng	200,0	521	7	CLN	ONT
515	Đỗ Văn Sự	Lộc Hưng	400,0	447	7	CLN	ONT
516	Ngô Văn Mẫn	Lộc Hưng	200,0	208	15	CLN	ONT
517	Lê Văn Viễn	Lộc Hưng	400,0	712; 713	6	CLN	ONT
518	Nguyễn Thị Cúc	Lộc Hưng	100,0	1263	11	CLN	ONT
519	Huỳnh Văn Thạch	Lộc Hưng	500,0	854; 855	12	CLN	ONT
520	Lê Xuân Khánh	Lộc Hưng	700,0	1627	11	CLN	ONT
521	Lê Xuân Khánh	Lộc Hưng	600,0	1628	11	CLN	ONT
522	Lê Xuân Khánh	Lộc Hưng	500,0	1629	11	CLN	ONT
523	Lê Xuân Khánh	Lộc Hưng	1.000,0	536	11	CLN	ONT
524	Nguyễn Hoàng Phương	Lộc Hưng	400,0	705	19	CLN	ONT
525	Nguyễn Tấn Hải	Lộc Hưng	200,0	479	14	CLN	ONT
526	Nguyễn Văn Hiền	Lộc Hưng	200,0	471	14	CLN	ONT
527	Đào Xuân Huy	Lộc Hưng	1.000,0	90	1	CLN	ONT
528	Lê Hồng Phong	Lộc Hưng	100,0	619	13	CLN	ONT
529	Lê Hồng Phong	Lộc Hưng	100,0	620	13	CLN	ONT
530	Đào Huy Hùng	Lộc Hưng	600,0	1213	TĐ 96-2021	CLN	ONT
531	Đào Tuyết Trinh	Lộc Hưng	500,0	427	18	CLN	ONT
532	Huỳnh Văn Thạch	Lộc Hưng	700,0	716	6	CLN	ONT
533	Huỳnh Văn Thạch	Lộc Hưng	100,0	717	6	CLN	ONT
534	Nguyễn Thị Ngọc Xoàn	Lộc Hưng	100,0	734	19	CLN	ONT
535	Trương Văn Đức	Lộc Hưng	100,0	1036	16	CLN	ONT
536	Trần Văn Đoàn	Lộc Hưng	350,0	439	13	CLN	ONT
537	Bùi Thị Đoàn Trinh	Lộc Hưng	50,0	653	19	CLN	ONT
538	Trương Văn Đức	Lộc Hưng	400,0	811	12	CLN	ONT
539	Trương Văn Đức	Lộc Hưng	100,0	1303	11	CLN	ONT
540	Trương Văn Đức	Lộc Hưng	100,0	1301	11	CLN	ONT
541	Trương Văn Đức	Lộc Hưng	100,0	1302	11	CLN	ONT
542	Trương Văn Đức	Lộc Hưng	100,0	255	15	CLN	ONT
543	Cao Thành Thêm	Lộc Hưng	150,0	164	6	CLN	ONT
544	Vũ Thị Hồng	Lộc Hưng	400,0	222	2	CLN	ONT
545	Nguyễn Thị Cúc	Lộc Hưng	100,0	1262	11	CLN	ONT
546	Nguyễn Thị Thanh Trang	Lộc Hưng	100,0	979	TĐ 02-2021	CLN	ONT
547	Lê Công Thiện	Lộc Hưng	150,0	425	TĐ 242-2019	CLN	ONT
548	Nguyễn Văn Phiệt	Lộc Hưng	300,0	495	16	CLN	ONT
549	Vũ Thị Mão	Lộc Hưng	100,0	205	2	CLN	ONT
550	Vũ Thị Nga	Lộc Hưng	100,0	594	TĐ 260-2019	CLN	ONT
551	Nguyễn Thị Tho	Lộc Hưng	400,0	1388	TĐ 287-2021	CLN	ONT
552	Phạm Thị Hiền	Lộc Hưng	200,0	910	19	CLN	ONT
553	Nguyễn Diệu Thanh Xuân	Lộc Hưng	400,0	1392	TĐ 300-2021	CLN	ONT
554	Phan Văn Chức	Lộc Hưng	1.000,0	1296	TĐ 190-2021	CLN	ONT
555	Đinh Sỹ Toàn	Lộc Hưng	100,0	1149	16	CLN	ONT
556	Trần Bá Thiện	Lộc Hưng	200,0	645	13	CLN	ONT
557	Nguyễn Thu Trang	Lộc Hưng	200,0	2218	9	CLN	ONT
558	Trần Kim Oanh	Lộc Hưng	200,0	2217	9	CLN	ONT

559	Đỗ Văn Sự	Lộc Hưng	400,0	447	7	CLN	ONT
560	Cao Thị Minh	Lộc Hưng	100,0	165	1	CLN	ONT
561	Huỳnh Ngọc Cương	Lộc Hưng	400,0	556	7	CLN	ONT
562	Hoàng Đức Quang	Lộc Hưng	200,0	1013	TĐ 64-2021	CLN	ONT
563	Phạm Thị Phương	Lộc Hưng	400,0	26	6	CLN	ONT
564	Nguyễn Văn Thỏ	Lộc Hưng	1.200,0	774	19	CLN	ONT
565	Trần Thị Kim Oanh	Lộc Hưng	400,0	1258	TĐ 4349-2021	CLN	ONT
566	Nguyễn Viết Đến	Lộc Hưng	100,0	936	TĐ 492-2020	CLN	ONT
567	Trần Văn Lạc	Lộc Khánh	4.200,0	195	TĐ 62-2019	CLN	ONT
568	Nông Văn Phúc	Lộc Khánh	2.000,0	4950	TĐ 321-2021	CLN	ONT
569	Nông Văn Phúc	Lộc Khánh	2.000,0	4951	TĐ 322-2021	CLN	ONT
570	Đỗ Thị Phương	Lộc Khánh	1.600,0	596	0	CLN	ONT
571	Lê Văn Thê	Lộc Khánh	600,0	4533	TĐ 5022-2021	CLN	ONT
572	Trịnh Quốc Vương	Lộc Khánh	3.500,0	24	TĐ 15-2019	CLN	ONT
573	Trịnh Quốc Vương	Lộc Khánh	2.500,0	25	TĐ 16-2019	CLN	ONT
574	Lý Hồng Quân	Lộc Khánh	200,0	197	14	CLN	ONT
575	Thị Mẹo	Lộc Khánh	400,0	1365	TĐ 171-2021	CLN	ONT
576	Trần Minh Hải	Lộc Khánh	1.100,0	4892	TĐ 213 – 2021	CLN	ONT
577	Trần Minh Hải	Lộc Khánh	2.300,0	4894	TĐ 211 – 2021	CLN	ONT
578	Trần Minh Hải	Lộc Khánh	200,0	4893	TĐ 214 – 2021	CLN	ONT
579	Trần Minh Hải	Lộc Khánh	1.200,0	4895	TĐ 216 – 2021	CLN	ONT
580	Trần Minh Hải	Lộc Khánh	7.000,0	4898	TĐ 215 – 2021	CLN	ONT
581	Thị Nuong	Lộc Khánh	600,0	4594	TĐ 2929-2021	CLN	ONT
582	Vũ Công Phong	Lộc Khánh	3.300,0	1179	TĐ 33-2019	CLN	ONT
583	Hồ Kim Sang	Lộc Khánh	1.500,0	1472	TĐ 47-2019	CLN	ONT
584	Võ Văn Giang	Lộc Khánh	500,0	65	16	CLN	ONT
585	Võ Văn Giang	Lộc Khánh	1.400,0	1474	TĐ 48-2018	CLN	ONT
586	Lê Đăng Úy	Lộc Khánh	300,0	4556	TĐ 227-2021	CLN	ONT
587	Thiều Thị Hạnh	Lộc Khánh	2.000,0	3903	TĐ 742-2021	CLN	ONT
588	Dương Thị Thoa	Lộc Khánh	2.000,0	167	12	CLN	ONT
589	Nguyễn Thị Lành	Lộc Khánh	400,0	1855	TĐ 127-2020	CLN	ONT
590	Nguyễn Minh Chánh	Lộc Khánh	2.500,0	1	Sổ cũ	CLN	ONT
591	Hoàng Nhật Trường	Lộc Khánh	2.200,0	1989	TĐ 174-2020	CLN	ONT
592	Nguyễn Thượng Hải	Lộc Khánh	400,0	1856	TĐ 128-2020	CLN	ONT
593	Nguyễn Thượng Hải	Lộc Khánh	100,0	4518	TĐ 2941-2021	CLN	ONT
594	Dương Thị Thúy	Lộc Khánh	3.000,0	588	0	CLN	ONT
595	Bùi Văn Tám	Lộc Khánh	2.000,0	167	12	CLN	ONT
596	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Khánh	200,0	25	TĐ 16-2019	CLN	ONT
597	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Khánh	200,0	24	TĐ 15-2019	CLN	ONT
598	Võ Thị Thanh Nga	Lộc Khánh	700,0	176	8	CLN	ONT
599	Đặng Thị Xuân	Lộc Khánh	200,0	142	10	CLN	ONT
600	Lưu Văn Nam	Lộc Khánh	4.000,0	1678	TĐ 80-2020	CLN	ONT
601	Nguyễn Chánh Kỳ	Lộc Khánh	700,0	345	0	CLN	ONT
602	Nguyễn Chánh Kỳ	Lộc Khánh	1.400,0	422	0	CLN	ONT
603	Nguyễn Chánh Kỳ	Lộc Khánh	8.000,0	244	0	CLN	ONT
604	Nguyễn Thị Phương	Lộc Khánh	400,0	1862	TĐ 617-2020	CLN	ONT
605	Nguyễn Thị Phương	Lộc Khánh	800,0	4613	TĐ 204-2021	CLN	ONT
606	Ngô Văn Nguyên	Lộc Khánh	2.300,0	1529	TĐ 85-2019	CLN	ONT
607	Lê Văn Thê	Lộc Khánh	400,0	4533	TĐ 5022-2021	CLN	ONT
608	Trần Thanh Tuấn	Lộc Khánh	600,0	4534	TĐ 5023-2021	CLN	ONT
609	Trần Thị Kim Oanh	Lộc Khánh	100,0	4535	TĐ 4187-2021	CLN	ONT
610	Nguyễn Thanh Vân	Lộc Khánh	300,0	1	0	CLN	ONT
611	Hoàng Thanh Sơn	Lộc Khánh	600,0	4564	TĐ 120-2021	CLN	ONT
612	Hoàng Quốc Việt	Lộc Khánh	400,0	173	12	CLN	ONT
613	Đặng Phước Huyện	Lộc Khánh	200,0	69	4	CLN	ONT

614	Đặng Phước Huyện	Lộc Khánh	200,0	70	4	CLN	ONT
615	Đặng Phước Huyện	Lộc Khánh	200,0	71	4	CLN	ONT
616	Nguyễn Huỳnh Trung	Lộc Khánh	200,0	569	TĐ 62-2020	CLN	ONT
617	Nguyễn Văn Lắm	Lộc Khánh	200,0	804	7	CLN	ONT
618	Nguyễn Như Vương	Lộc Khánh	400,0	194	14	CLN	ONT
619	Đặng Mai Lịch	Lộc Khánh	400,0	417	0	CLN	ONT
620	Dương Thị Phương Lan	Lộc Khánh	200,0	733	7	CLN	ONT
621	Võ Thị Thanh Ngọc	Lộc Khánh	400,0	2257	TĐ 263-2021	CLN	ONT
622	Võ Thị Thanh Ngọc	Lộc Khánh	400,0	2256	TĐ 262-2021	CLN	ONT
623	Phan Chi Vũ	Lộc Khánh	400,0	2258	TĐ 264-2021	CLN	ONT
624	Phan Chi Vũ	Lộc Khánh	400,0	2259	TĐ 265-2021	CLN	ONT
625	Nguyễn Thị Kiều My	Lộc Khánh	400,0	2253	TĐ 259-2021	CLN	ONT
626	Bùi Ngọc Hòa	Lộc Khánh	200,0	2163	TĐ 80-2021	CLN	ONT
627	Đào Thị Thanh Ngọc	Lộc Khánh	500,0	179	12	CLN	ONT
628	Trần Thị Hương	Lộc Khánh	1.000,0	121	12	HNK	ONT
629	Hồ Ngọc Tuấn	Lộc Khánh	400,0	4632	TĐ 3578-2021	CLN	ONT
630	Hồ Ngọc Tuấn	Lộc Khánh	400,0	4633	TĐ 3579-2021	CLN	ONT
631	Hồ Ngọc Tuấn	Lộc Khánh	400,0	4634	TĐ 3580-2021	CLN	ONT
632	Trần Duy Khánh	Lộc Khánh	400,0	4635	TĐ 3590-2021	CLN	ONT
633	Trần Duy Khánh	Lộc Khánh	400,0	4636	TĐ 3591-2021	CLN	ONT
634	Lê Minh Sâm	Lộc Khánh	900,0	160	10	CLN	ONT
635	Doãn Văn Thoa	Lộc Khánh	200,0	200	14	CLN	ONT
636	Đặng Thị Thân	Lộc Khánh	400,0	854	9	CLN	ONT
637	Hồ Viết Hải	Lộc Khánh	4.500,0	2446; 2447	TĐ 116-2021; TĐ 115-2021	CLN	ONT
638	Trần Thị Tuấn	Lộc Khánh	100,0	4722	TĐ 2785-2021	CLN	ONT
639	Đoàn Thị Minh Nga	Lộc Khánh	300,0	2031	TĐ 177-2020	CLN	ONT
640	Nguyễn Thị Thúy Anh	Lộc Khánh	600,0	4681	TĐ 3642 - 2021	CLN	ONT
641	Nguyễn Thị Thúy Anh	Lộc Khánh	600,0	4581	TĐ 3656 - 2021	CLN	ONT
642	Vũ Văn Bình	Lộc Khánh	300,0	1461	18	CLN	ONT
643	Tạ Thị Thanh Thúy	Lộc Khánh	100,0	2207	TĐ 271-2020	CLN	ONT
644	Hồ Ái Như	Lộc Khánh	100,0	2068	TĐ 2117-2020	CLN	ONT
645	Nguyễn Ngọc Nhật	Lộc Khánh	100,0	729	7	CLN	ONT
646	Đặng Thanh Dung	Lộc Khánh	200,0	248	2	CLN	ONT
647	Lê Quốc Thy	Lộc Khánh	100,0	327	5	CLN	ONT
648	Tô Phước Sơn	Lộc Khánh	200,0	1779	TĐ 91-2021	CLN	ONT
649	Phạm Văn Nam	Lộc Khánh	100,0	4624	TĐ 207-2020	CLN	ONT
650	Nguyễn Hữu Long	Lộc Khánh	200,0	1638	TĐ 57-2020	CLN	ONT
651	Nguyễn Hữu Long	Lộc Khánh	200,0	1825	TĐ 114-2020	CLN	ONT
652	Nguyễn Trọng Toàn	Lộc Khánh	2.600,0	2080	TĐ 218-2020	CLN	ONT
653	Vũ Văn Vụ	Lộc Khánh	1.000,0	1440	0	CLN	ONT
654	Vũ Văn Vụ	Lộc Khánh	500,0	2366	TĐ 1994-2020	CLN	ONT
655	Vũ Văn Vụ	Lộc Khánh	2.600,0	512	TĐ 93-2020	CLN	ONT
656	Thị Nhanh	Lộc Khánh	200,0	764	7	CLN	ONT
657	Bạch Trung Tân	Lộc Khánh	200,0	2062	TĐ 2111-2020	CLN	ONT
658	Bạch Trung Tân	Lộc Khánh	200,0	2061	TĐ 2110-2020	CLN	ONT
659	Huỳnh Thị Kim Thu	Lộc Khánh	200,0	2463	TĐ 1719-2021	CLN	ONT
660	Huỳnh Thị Kim Thu	Lộc Khánh	200,0	2465	TĐ 1721-2021	CLN	ONT
661	Trần Minh Hải	Lộc Khánh	2.000,0	251	TĐ 22-2020	CLN	ONT
662	Nguyễn Thị Hà	Lộc Khánh	400,0	2255	TĐ 261-2021	CLN	ONT
663	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Lộc Khánh	3.700,0	4607	TĐ 184-2021	CLN	ONT
664	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Lộc Khánh	300,0	2464	TĐ 1720-2021	CLN	ONT
665	Đoàn Văn Mến	Lộc Khánh	500,0	1401	0	CLN	ONT
666	Phạm Hoàng Trọng	Lộc Khánh	300,0	562	TĐ 54-2019	CLN	ONT
667	Hà Thị Kim Quy	Lộc Khánh	400,0	4564	TĐ 179-2021	CLN	ONT

668	Nguyễn Văn Hoàn	Lộc Khánh	500,0	577	0	CLN	ONT
669	Nguyễn Văn Hoàn	Lộc Khánh	200,0	2154	TĐ 244-2020	CLN	ONT
670	Ngô Thanh Ánh	Lộc Khánh	300,0	2155	TĐ 245-2020	CLN	ONT
671	Nguyễn Gia Chung	Lộc Phú	6.000,0	699	0	CLN	ONT
672	Đặng Thị Dung	Lộc Phú	11.000,0	594	TĐ 1802-2020	CLN	ONT
673	Phạm Hữu Thà	Lộc Phú	3.000,0	821	TĐ 18-2021	CLN	ONT
674	Đinh Văn Phương	Lộc Phú	1.600,0	749	0	CLN	ONT
675	Phạm Thị Thủy	Lộc Phú	2.800,0	811	TĐ 45-2021	CLN	ONT
676	Đặng Thị Dung	Lộc Phú	1.100,0	893	TĐ 1803-2020	CLN	ONT
677	Phan Thị Mừng	Lộc Phú	3.800,0		Số cũ	CLN	ONT
678	Nguyễn Văn Tiến	Lộc Phú	500,0	880	0	CLN	ONT
679	Vũ Văn Tuyển	Lộc Phú	400,0	88	4	CLN	ONT
680	Lê Văn Thông	Lộc Phú	2.600,0	990	TĐ 57-2020	CLN	ONT
681	Trần Văn Tuấn	Lộc Phú	300,0	228	7	CLN	ONT
682	Phùng Tác Gioáng	Lộc Phú	2.300,0	48	1B (số cũ)	CLN	ONT
683	Nguyễn Đình Sinh	Lộc Phú	3.000,0	338	TĐ 07-2019	CLN	ONT
684	Trương Thị Phương	Lộc Phú	1.800,0	837	0	CLN	ONT
685	Trần Văn Mạnh	Lộc Phú	1.900,0	542	11	CLN	ONT
686	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1220	TĐ 266-2021	CLN	ONT
687	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1221	TĐ 267-2021	CLN	ONT
688	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1222	TĐ 268-2021	CLN	ONT
689	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1223	TĐ 269-2021	CLN	ONT
690	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1224	TĐ 270-2021	CLN	ONT
691	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1225	TĐ 271-2021	CLN	ONT
692	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1216	TĐ 262-2021	CLN	ONT
693	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1215	TĐ 261-2021	CLN	ONT
694	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1217	TĐ 263-2021	CLN	ONT
695	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1218	TĐ 264-2021	CLN	ONT
696	Nguyễn Thị Kim Ánh	Lộc Phú	200,0	1219	TĐ 265-2021	CLN	ONT
697	Chiến Hoàng Phương	Lộc Phú	100,0	52	1	CLN	ONT
698	Lê Minh Sâm	Lộc Phú	6.000,0	136	0	CLN	ONT
699	Trịnh Thị Yến	Lộc Phú	100,0	115	4	CLN	ONT
700	Vũ Đức Hợp	Lộc Phú	2.300,0	877	0	CLN	ONT
701	Vũ Tôn Quyền	Lộc Phú	1.800,0	876	0	CLN	ONT
702	Nguyễn Thanh Đông	Lộc Phú	400,0	286	9	CLN	ONT
703	Nguyễn Thị Lệ	Lộc Phú	400,0	1192	TĐ 78-2021	CLN	ONT
704	Vũ Ái Bảo Ngân	Lộc Phú	500,0	1206	TĐ 4075-2021	CLN	ONT
705	Vũ Ái Bảo Ngân	Lộc Phú	300,0	1207	TĐ 4076-2021	CLN	ONT
706	Vũ Ái Bảo Ngân	Lộc Phú	200,0	1208	TĐ 4077-2021	CLN	ONT
707	Vũ Ái Bảo Ngân	Lộc Phú	200,0	1209	TĐ 4078-2021	CLN	ONT
708	Vũ Ái Bảo Ngân	Lộc Phú	200,0	1210	TĐ 4079-2021	CLN	ONT
709	Vũ Ái Bảo Ngân	Lộc Phú	300,0	1211	TĐ 4080-2021	CLN	ONT
710	Vũ Ái Bảo Ngân	Lộc Phú	400,0	1212	TĐ 4081-2021	CLN	ONT
711	Nguyễn Văn Thọ	Lộc Phú	500,0	993	TĐ 900-2020	CLN	ONT
712	Nguyễn Văn Thọ	Lộc Phú	500,0	987	TĐ 888-2020	CLN	ONT
713	Đặng Văn Anh	Lộc Phú	200,0	374	3	CLN	ONT
714	Mai Thị Tú Khuyên	Lộc Phú	2.000,0	168; 169	0	CLN	ONT
715	Cao Thị Thu	Lộc Phú	400,0	749	1	CLN	ONT
716	Phú Hoàng Lâm	Lộc Phú	200,0	1048	TĐ 31-2021	CLN	ONT
717	Phú Hoàng Lâm	Lộc Phú	200,0	1049	TĐ 32-2021	CLN	ONT
718	Phú Hoàng Lâm	Lộc Phú	200,0	1050	TĐ 33-2021	CLN	ONT
719	Phú Hoàng Lâm	Lộc Phú	200,0	1051	TĐ 34-2021	CLN	ONT
720	Lâm Dơ	Lộc Phú	100,0	367	2	CLN	ONT
721	Chu Thế Toán	Lộc Phú	200,0	359	5	CLN	ONT
722	Nguyễn Quốc Vũ	Lộc Phú	400,0	628	11	CLN	ONT

723	Vũ Xuân Vượng	Lộc Phú	400,0	48	1	CLN	ONT
724	Trịnh Vinh Cường	Lộc Phú	500,0	501	1	CLN	ONT
725	Hà Đình Hùng	Lộc Phú	100,0	115	4	CLN	ONT
726	Thị Thố	Lộc Phú	200,0	310	6	CLN	ONT
727	Trần Quốc Chính	Lộc Phú	200,0	1174	TĐ 2653-2021	CLN	ONT
728	Trần Quốc Chính	Lộc Phú	200,0	1175	TĐ 2654-2021	CLN	ONT
729	Trịnh Vinh Cường	Lộc Phú	600,0	39	1	CLN	ONT
730	Ngô Vĩnh Siêu	Lộc Phú	100,0	617	11	CLN	ONT
731	Trần Quốc Chính	Lộc Phú	200,0	1173	TĐ 2652-2021	CLN	ONT
732	Trần Quốc Chính	Lộc Phú	200,0	1172	TĐ 2651-2021	CLN	ONT
733	Trần Quốc Chính	Lộc Phú	200,0	1171	TĐ 2650-2021	CLN	ONT
734	Trịnh Văn Thảo	Lộc Phú	200,0	735	1	CLN	ONT
735	Lâm Cương	Lộc Phú	200,0	872	0	CLN	ONT
736	Lâm Mậu	Lộc Phú	100,0	107	9	CLN	ONT
737	Phạm Thị Thùy	Lộc Phú	100,0	458	1	CLN	ONT
738	Trần Thu Ba	Lộc Phú	200,0	88	4	CLN	ONT
739	Lê Thị Thu Hằng	Lộc Phú	100,0	192	8	HNK	ONT
740	Lê Thị Thu Hằng	Lộc Phú	100,0	66	8	CLN	ONT
741	Trần Thị Thông	Lộc Phú	400,0	319	1	HNK	ONT
742	Phạm Văn Tịch	Lộc Phú	300,0	213	1	CLN	ONT
743	Nguyễn Văn Mỹ	Lộc Phú	400,0	257	9	HNK	ONT
744	Bùi Thị Trang	Lộc Phú	300,0	278	9	HNK	ONT
745	Nguyễn Văn Tiến	Lộc Phú	100,0	593	11	CLN	ONT
746	Lê Văn Thuận	Lộc Phú	400,0	1		CLN	ONT
747	Mai Thế Định	Lộc Phú	400,0	583	4	CLN	ONT
748	Hoàng Văn Thái	Lộc Phú	200,0	245	0	CLN	ONT
749	Hoàng Văn Thái	Lộc Phú	200,0	246	0	CLN	ONT
750	Cao Đăng Khoa	Lộc Phú	200,0	806	0	CLN	ONT
751	Cao Đăng Khoa	Lộc Phú	200,0	807	0	CLN	ONT
752	Nguyễn Thanh Sơn	Lộc Phú	400,0	350	4	CLN	ONT
753	Giang Mạnh Ca	Lộc Phú	400,0	346	TĐ 23-2020	CLN	ONT
754	Lê Đình Xiêm	Lộc Phú	100,0	210	5	CLN	ONT
755	Hà Đình Hùng	Lộc Phú	100,0	115	4	CLN	ONT
756	Hà Đình Hùng	Lộc Phú	200,0	462	1	CLN	ONT
757	Vương Văn Hòa	Lộc Phú	400,0	802	0	CLN	ONT
758	Lê Văn Chung	Lộc Phú	200,0	321	4	HNK	ONT
759	Bùi Văn Trường	Lộc Phú	200,0	378	9	CLN	ONT
760	Lương Văn Tuấn	Lộc Phú	400,0	300	0	CLN	ONT
761	Lâm Cương	Lộc Phú	200,0	872	0	CLN	ONT
762	Hà Quang Dũng	Lộc Phú	300,0	207	8	CLN	ONT
763	Hà Quang Dũng	Lộc Phú	200,0	206	8	CLN	ONT
764	Dương Quan Châu	Lộc Phú	300,0	747	1	CLN	ONT
765	Nguyễn Công Phước	Lộc Phú	400,0	48	1	CLN	ONT
766	Hoàng Minh Lợi	Lộc Phú	200,0	687	1	CLN	ONT
767	Lâm Nghiê	Lộc Phú	200,0	310	0	CLN	ONT
768	Kiên Văn Thuận	Lộc Phú	200,0	1056	TĐ 39-2021	CLN	ONT
769	Nguyễn Văn Vượng	Lộc Phú	300,0	72	1	CLN	ONT
770	Nguyễn Quốc Tuấn	Lộc Phú	300,0	710	1	CLN	ONT
771	Hồ Văn Lộc	Lộc Phú	200,0	175	TĐ 17-2019	CLN	ONT
772	Bùi Thanh Phương	Lộc Phú	300,0	278	9	CLN	ONT
773	Nguyễn Văn Mỹ	Lộc Phú	400,0	257	9	CLN	ONT
774	Phan Văn Tâm	Lộc Phú	400,0	356	9	CLN	ONT
775	Phan Văn Tâm	Lộc Phú	400,0	353	9	CLN	ONT
776	Lê Văn Luân	Lộc Phú	100,0	1149	TĐ 1991-2021	CLN	ONT
777	Nguyễn Hải	Lộc Phú	100,0	1151	TĐ 1993-2021	CLN	ONT

778	Nguyễn Hải	Lộc Phú	100,0	1150	TĐ 1992-2021	CLN	ONT
779	Trần Văn Đình	Lộc Phú	200,0	649	0	CLN	ONT
780	Lê Văn Luân	Lộc Phú	100,0	1148	TĐ 1990-2021	CLN	ONT
781	Trần Văn Đình	Lộc Phú	200,0	713	1	CLN	ONT
782	Huỳnh Viết Khương	Lộc Phú	200,0	627	11	CLN	ONT
783	Hoàng Thị Hương	Lộc Phú	200,0	719	1	CLN	ONT
784	Hà Đình Hùng	Lộc Phú	100,0	115	4	CLN	ONT
785	Đỗ Bá Vinh	Lộc Phú	100,0	159	9	CLN	ONT
786	Hà Đình Hùng	Lộc Phú	200,0	462	1	CLN	ONT
787	Dương Hữu Thành	Lộc Phú	200,0	224	6	CLN	ONT
788	Thái Thị Bích Hiệp	Lộc Phú	300,0	184	8	CLN	ONT
789	Lê Tấn Minh	Lộc Phú	600,0	145	1	CLN	ONT
790	Phan Trung Vinh	Lộc Phú	2.100,0	777	00	CLN	ONT
791	Đỗ Văn Tự	Lộc Phú	1.900,0	449	6	CLN	ONT
792	Trần Văn Sáng	Lộc Phú	1.000,0	1062	TĐ-32-2021	CLN	ONT
793	Trần Hồng Chính	Lộc Phú	1.900,0	817	00	CLN	ONT
794	Lâm Mậu	Lộc Phú	200,0	107	9	CLN	ONT
795	Nguyễn Văn Lắm	Lộc Quang	2.000,0	1331	TĐ 117-2021	CLN	ONT
796	Trần Thanh Sơn	Lộc Quang	3.300,0	422	0	CLN	ONT
797	Hoàng Đình Hùng	Lộc Quang	6.400,0	1608	TĐ 19-2019	CLN	ONT
798	Trần Minh Út	Lộc Quang	3.600,0	1971	TĐ-38-2021	CLN	ONT
799	Lê Thị Nga	Lộc Quang	200,0	1768	TĐ 83 - 2000	LNC	ONT
800	Trần Văn Sáng	Lộc Quang	2.600,0	823	00	LNC	ONT
801	Trần Văn Nhân	Lộc Quang	3.900,0	1246	00	LNC	ONT
802	Phùng Thị Lan	Lộc Quang	2.600,0	2028	TĐ-62-2021	LNC	ONT
803	Nguyễn Quốc Hội	Lộc Quang	2.500,0	792	TĐ 27-2021	CLN	ONT
804	Nguyễn Thị Thu Hiền	Lộc Quang	1.700,0	960	TĐ 56-2020	CLN	ONT
805	Nguyễn Tài Long	Lộc Quang	1.600,0	163; 173	1	CLN	ONT
806	Phạm Văn Cường Em	Lộc Quang	400,0	18	0	CLN	ONT
807	Lê Quốc Vĩ	Lộc Quang	200,0	1923	TĐ 759-2021	CLN	ONT
808	Trần Văn Chính	Lộc Quang	200,0	1759	TĐ 31-2020	CLN	ONT
809	Nguyễn Tất Quyên	Lộc Quang	400,0	1359	TĐ 99-2021	CLN	ONT
810	Đoàn Ngọc Quyên	Lộc Quang	200,0	1978	TĐ 1724-2021	CLN	ONT
811	Vũ Viết Thắng	Lộc Quang	100,0	1870	TĐ 24-2021	CLN	ONT
812	Phạm Duy Đài	Lộc Quang	200,0	1876	TĐ 30-2021	CLN	ONT
813	Trần Ngọc Tấn	Lộc Quang	200,0	1869	TĐ 23-2021	CLN	ONT
814	Lê Quốc Vĩ	Lộc Quang	400,0	1877	TĐ 31-2021	CLN	ONT
815	Lê Quốc Vĩ	Lộc Quang	200,0	1977	TĐ 1723-2021	CLN	ONT
816	Nguyễn Thị Đức	Lộc Quang	200,0	1922	TĐ 758-2021	CLN	ONT
817	Nguyễn Thị Đức	Lộc Quang	500,0	1944	TĐ 889-2021	CLN	ONT
818	Nguyễn Thị Đức	Lộc Quang	100,0	1979	TĐ 1725-2021	CLN	ONT
819	Vương Văn Hòa	Lộc Quang	200,0	559	11	CLN	ONT
820	Đỗ Thị Thu Hà	Lộc Quang	300,0	1414	TĐ 52-2019	CLN	ONT
821	Trần Văn Thắng	Lộc Quang	200,0	962	TĐ 80-2020	CLN	ONT
822	Hoàng Thị Hà	Lộc Quang	400,0	472	16	CLN	ONT
823	Phạm Đức Ngân	Lộc Quang	300,0	511	6	CLN	ONT
824	Hà Văn Nam	Lộc Quang	2.000,0	59	0	CLN	ONT
825	Nguyễn Thị An	Lộc Quang	400,0	12	13	CLN	ONT
826	Nguyễn Thị An	Lộc Quang	400,0	13	13	CLN	ONT
827	Trần Trung Hiếu	Lộc Quang	300,0	238	6	CLN	ONT
828	Lê Quốc Vĩ	Lộc Quang	200,0	1877	TĐ 31-2021	CLN	ONT
829	Đoàn Ngọc Quyên	Lộc Quang	200,0	1978	TĐ 1724-2021	CLN	ONT
830	Vũ Viết Thắng	Lộc Quang	200,0	1870	TĐ 24-2021	CLN	ONT
831	Phạm Duy Đài	Lộc Quang	200,0	1876	TĐ 30-2021	CLN	ONT
832	Trần Ngọc Tấn	Lộc Quang	200,0	1869	TĐ 23-2021	CLN	ONT

833	Lê Quốc Vĩ	Lộc Quang	200,0	1977	TĐ 1723-2021	CLN	ONT
834	Nguyễn Thị Đức	Lộc Quang	200,0	1979	TĐ 1725-2021	CLN	ONT
835	Từ Văn Cầu	Lộc Quang	100,0	1920	TĐ 754-2021	CLN	ONT
836	Lê Hồng Quân	Lộc Quang	200,0	1893	TĐ 24-2021	CLN	ONT
837	Phan Văn Tuấn	Lộc Quang	200,0	1896	TĐ 27-2021	CLN	ONT
838	Bùi Ngọc Hòa	Lộc Quang	200,0	1875	TĐ 29-2021	CLN	ONT
839	Nguyễn Thị Đức	Lộc Quang	200,0	1922	TĐ 758-2021	CLN	ONT
840	Lê Quốc Vĩ	Lộc Quang	200,0	1923	TĐ 759-2021	CLN	ONT
841	Nguyễn Thị Tính	Lộc Quang	500,0	791	0	CLN	ONT
842	Nguyễn Xuân Bảo	Lộc Quang	900,0	1901	TĐ 32-2021	CLN	ONT
843	Hoàng Văn Thủy	Lộc Quang	400,0	345	TĐ 18-2021	CLN	ONT
844	Nguyễn Đại Lộc	Lộc Quang	100,0	1429	0	CLN	ONT
845	Nguyễn Xuân Hòa	Lộc Quang	600,0	1012	TĐ 45-2021	CLN	ONT
846	Nguyễn Xuân Hòa	Lộc Quang	600,0	1460	TĐ 51-2021	CLN	ONT
847	Nguyễn Quốc Hội	Lộc Quang	1.400,0	792	TĐ 27-2021	CLN	ONT
848	Trần Thị Lan	Lộc Quang	300,0	89	10	CLN	ONT
849	Đào Thị Loan	Lộc Quang	300,0	367	15	CLN	ONT
850	Lâm Văn Hiền	Lộc Quang	400,0	20	14	CLN	ONT
851	Nguyễn Thị Mai	Lộc Quang	100,0	286	14	CLN	ONT
852	Bùi Quang Khánh	Lộc Quang	400,0	112	12	CLN	ONT
853	Đoàn Thị Thuần	Lộc Quang	400,0	106	0	CLN	ONT
854	Phan Thị Thùy	Lộc Quang	400,0	1586	TĐ 813-2020	CLN	ONT
855	Dương Thị Ngoan	Lộc Quang	400,0	902	TĐ 902-2020	CLN	ONT
856	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Lộc Tấn	300,0	37	3	CLN	ONT
857	Nguyễn Văn Hiền	Lộc Tấn	300,0	209	31	CLN	ONT
858	Nguyễn Xuân Phương	Lộc Tấn	300,0	163	8	CLN	ONT
859	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Lộc Tấn	200,0	5	21	CLN	ONT
860	Tăng Minh Tú	Lộc Tấn	600,0	244	31	CLN	ONT
861	Phan Văn Đạo	Lộc Tấn	300,0	81	18	CLN	ONT
862	Từ Thị Thùy Linh	Lộc Tấn	100,0	80	18	CLN	ONT
863	Phạm Xuân Trường	Lộc Tấn	300,0	127	04	CLN	ONT
864	Vũ Văn Ninh	Lộc Tấn	300,0	148	07	CLN	ONT
865	Đỗ Nguyên Minh	Lộc Tấn	400,0	73	07	CLN	ONT
866	Trần Văn Tâm	Lộc Tấn	50,0	183	30	CLN	ONT
867	Lê Bá Minh	Lộc Tấn	300,0	8	8	CLN	ONT
868	Nguyễn Văn So	Lộc Tấn	400,0	833	TĐ 09-2020	CLN	ONT
869	Trần Tuấn Việt	Lộc Tấn	200,0	213	29	CLN	ONT
870	Lê Thanh Dân	Lộc Tấn	500,0	90	23	CLN	ONT
871	Nguyễn Đình Thanh	Lộc Tấn	400,0	92	23	CLN	ONT
872	Vũ Thị Kim Hạnh	Lộc Tấn	1.000,0	35	40	CLN	ONT
873	Lại Thị Lệ Hằng	Lộc Tấn	100,0	948	TĐ 548-2020	CLN	ONT
874	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Tấn	200,0	79	18	CLN	ONT
875	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Tấn	200,0	76	18	CLN	ONT
876	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Tấn	200,0	40	18	CLN	ONT
877	Nguyễn Ngọc Phụng	Lộc Tấn	100,0	254	19	CLN	ONT
878	Nguyễn Hưng	Lộc Tấn	200,0	49	3	CLN	ONT
879	Nguyễn Hưng	Lộc Tấn	200,0	50	3	CLN	ONT
880	Nguyễn Hưng	Lộc Tấn	200,0	51	3	CLN	ONT
881	Nguyễn Hưng	Lộc Tấn	200,0	52	3	CLN	ONT
882	Nguyễn Hưng	Lộc Tấn	200,0	53	3	CLN	ONT
883	Hà Thúc Ân	Lộc Tấn	2.000,0	175	19	CLN	ONT
884	Trần Văn Cường	Lộc Tấn	200,0	1033	TĐ 275-2020	CLN	ONT
885	Lê Thị Tâm	Lộc Tấn	200,0	883	TĐ 160-2020	CLN	ONT
886	Lê Thị Tâm	Lộc Tấn	200,0	1032	TĐ 274-2020	CLN	ONT
887	Nguyễn Thị Thu Hồng	Lộc Tấn	700,0	393	TĐ 81-2021	CLN	ONT

888	Trần Thái Sang	Lộc Tấn	400,0	6	39	CLN	ONT
889	Lê Văn Sỹ	Lộc Tấn	200,0	1497	TĐ 103-2021	CLN	ONT
890	Huỳnh Tấn Nam	Lộc Tấn	200,0	1494	TĐ 100-2021	CLN	ONT
891	Nguyễn Hữu Hùng	Lộc Tấn	200,0	1495	TĐ 101-2021	CLN	ONT
892	Ngô Phú Lộc	Lộc Tấn	200,0	1498	TĐ 104-2021	CLN	ONT
893	Trần Ngọc Dương	Lộc Tấn	200,0	1496	TĐ 102-2021	CLN	ONT
894	Dương Thị Thanh Tâm	Lộc Tấn	700,0	968	TĐ 115-2020	CLN	ONT
895	Nguyễn Hưng	Lộc Tấn	600,0	48	03	CLN	ONT
896	Nguyễn Phi Dũng	Lộc Tấn	600,0	294	13	CLN	ONT
897	Bồ Văn Nghi	Lộc Tấn	500,0	147	13	CLN	ONT
898	Văn Thị Sương	Lộc Tấn	400,0		sổ cũ	CLN	ONT
899	Nguyễn Thành Lâm	Lộc Tấn	400,0	128	31	CLN	ONT
900	Phạm Minh Tâm	Lộc Tấn	2.500,0	3	12	CLN	ONT
901	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Tấn	200,0	79	18	CLN	ONT
902	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Tấn	200,0	80	18	CLN	ONT
903	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Tấn	200,0	78	18	CLN	ONT
904	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Tấn	200,0	40	18	CLN	ONT
905	Nguyễn Thị Hà Anh	Lộc Tấn	200,0	40	18	CLN	ONT
906	Nguyễn Đình Tám	Lộc Tấn	1.100,0	219	22	CLN	ONT
907	Nguyễn Đình Tám	Lộc Tấn	400,0	53	14	CLN	ONT
908	Bùi Văn Hà	Lộc Tấn	100,0	254	19	CLN	ONT
909	Đinh Xuân Thu	Lộc Tấn	200,0	148	13	CLN	ONT
910	Dư Thị Hoa	Lộc Tấn	400,0	29	32	CLN	ONT
911	Trần Thị Thu	Lộc Tấn	500,0	1		CLN	ONT
912	Phạm Thị Ngọc Ánh	Lộc Tấn	400,0	39	19	CLN	ONT
913	Nguyễn Ngọc Anh	Lộc Tấn	400,0	214	31	CLN	ONT
914	Trần Văn Loát	Lộc Tấn	400,0	14	33	CLN	ONT
915	Nguyễn Thị Lan	Lộc Tấn	200,0	473	0	CLN	ONT
916	Lê Hồng Ngọc	Lộc Tấn	100,0	269	19	CLN	ONT
917	Phan Văn Giới	Lộc Tấn	400,0	102	30	CLN	ONT
918	Vũ Ngọc May	Lộc Tấn	400,0	239	22	CLN	ONT
919	Nguyễn Văn Phương	Lộc Tấn	200,0	44	19	CLN	ONT
920	Trương Thanh Hùng	Lộc Tấn	300,0	125	22	CLN	ONT
921	Lê Thị Phương Thảo	Lộc Tấn	3.000,0	21	7	CLN	ONT
922	Ngô Thị Kim Anh	Lộc Tấn	200,0	230	22	CLN	ONT
923	Nguyễn Phi Dũng	Lộc Tấn	500,0	94	13	CLN	ONT
924	Bùi Thị Nga	Lộc Tấn	100,0	539	12	CLN	ONT
925	Lâm Trước Đông	Lộc Tấn	100,0	163	7	CLN	ONT
926	Lâm Trước Đông	Lộc Tấn	100,0	164	7	CLN	ONT
927	Nguyễn Thị Lợi	Lộc Tấn	400,0	90	21	CLN	ONT
928	Nguyễn Thị Lợi	Lộc Tấn	400,0	252	22	CLN	ONT
929	Vũ Minh Tiệp	Lộc Tấn	400,0	91	23	CLN	ONT
930	Trần Thị Ngọc Phượng	Lộc Tấn	100,0	539	12	CLN	ONT
931	Lê Hồng Hiền	Lộc Tấn	1.000,0	999	TĐ 150-2020	CLN	ONT
932	Nguyễn Thanh Hùng	Lộc Thái	100,0	21	32	CLN	ONT
933	Trần Văn Lạc	Lộc Thái	400,0	5	44	CLN	ONT
934	Trần Văn Lạc	Lộc Thái	600,0	8	44	CLN	ONT
935	Trần Văn Lạc	Lộc Thái	800,0	2	44	CLN	ONT
936	Huỳnh Văn Lệnh	Lộc Thái	400,0	1	sổ cũ	CLN	ONT
937	Châu Vi Sương	Lộc Thái	400,0	334	37	CLN	ONT
938	Lại Văn Trí	Lộc Thái	200,0	146	24	CLN	ONT
939	Lại Văn Trí	Lộc Thái	100,0	34	24	CLN	ONT
940	Trần Xuân Nghiêm	Lộc Thái	100,0	149	24	CLN	ONT
941	Trần Thế Mạnh	Lộc Thái	200,0	131	36	CLN	ONT
942	Nguyễn Hồng Sơn	Lộc Thái	200,0	62	15	CLN	ONT

943	Nguyễn Hồng Sơn	Lộc Thái	200,0	65	15	CLN	ONT
944	Nguyễn Trò	Lộc Thái	400,0	58	37	CLN	ONT
945	Nguyễn Thanh Hùng	Lộc Thái	100,0	21	32	CLN	ONT
946	Cao Đức Bồn	Lộc Thái	300,0	119	30	CLN	ONT
947	Trịnh Thị Cúc	Lộc Thái	100,0	162	15	CLN	ONT
948	Đặng Văn Nhi	Lộc Thái	300,0	395	30	CLN	ONT
949	Đặng Văn Vinh	Lộc Thái	100,0	394	30	CLN	ONT
950	Đặng Văn Chiến	Lộc Thái	200,0	392	30	CLN	ONT
951	Nhâm Thị Phương Quyên	Lộc Thái	1.500,0	148	41	CLN	ONT
952	Nguyễn Văn Là	Lộc Thái	1.500,0	112	41	CLN	ONT
953	Thái Thanh Xuân	Lộc Thái	400,0	96	30	CLN	ONT
954	Ngô Kim Hồng	Lộc Thái	100,0	199	35	CLN	ONT
955	Bùi Thị Kim Thoa	Lộc Thái	200,0	20	14	CLN	ONT
956	Ngô Văn Hiệp	Lộc Thái	400,0	522	37	CLN	ONT
957	Lê Thu Loan	Lộc Thái	600,0	95	38	CLN	ONT
958	Nguyễn Ngọc Duy	Lộc Thái	800,0	206	38	CLN	ONT
959	Tổng Đức Doanh	Lộc Thái	400,0	11	43	CLN	ONT
960	Nguyễn Thị Như Liên	Lộc Thái	500,0	46	41	CLN	ONT
961	Đinh Văn Phước	Lộc Thái	500,0	99	35	CLN	ONT
962	Nguyễn Tấn Lập	Lộc Thái	300,0	191	30	CLN	ONT
963	Ngô Văn Hiệp	Lộc Thái	400,0	556	37	CLN	ONT
964	Nguyễn Quốc Học	Lộc Thái	1.600,0	204	25	CLN	ONT
965	Đào Thị Thu Hà	Lộc Thái	100,0	259	38	CLN	ONT
966	Khuru Hồng Phụng	Lộc Thái	200,0	27	19	CLN	ONT
967	Đinh Văn Phước	Lộc Thái	500,0	99	35	CLN	ONT
968	Nguyễn Đại Dương	Lộc Thái	1.200,0	477	25	CLN	ONT
969	Hoàng Lê Dũng	Lộc Thái	400,0	572	37	CLN	ONT
970	Nguyễn Văn Hòa	Lộc Thái	400,0	214	38	CLN	ONT
971	Nguyễn Văn Điện	Lộc Thái	100,0	105	23A	CLN	ONT
972	Võ Quyền Anh	Lộc Thái	400,0	193	41	CLN	ONT
973	Trần Văn Tiệp	Lộc Thái	100,0	196	8	CLN	ONT
974	Trương Văn Lượm	Lộc Thái	700,0	17	38	CLN	ONT
975	Nguyễn Thị Phụng	Lộc Thái	400,0	475	25	CLN	ONT
976	Nguyễn Đại Dương	Lộc Thái	200,0	301	41	HNK	ONT
977	Nguyễn Đại Dương	Lộc Thái	300,0	302	41	HNK	ONT
978	Nguyễn Đại Dương	Lộc Thái	300,0	303	41	HNK	ONT
979	Nguyễn Đại Dương	Lộc Thái	200,0	304	41	HNK	ONT
980	Nguyễn Đại Dương	Lộc Thái	100,0	277	41	CLN	ONT
981	Nguyễn Thừa Dũng	Lộc Thái	100,0	38	32	CLN	ONT
982	Lê Minh Sâm	Lộc Thái	100,0	105	10	CLN	ONT
983	Trần Văn Long	Lộc Thái	200,0	333	37	CLN	ONT
984	Nguyễn Thị Hải	Lộc Thái	300,0	176	8	CLN	ONT
985	Nguyễn Văn Điện	Lộc Thái	100,0	105	23A	CLN	ONT
986	Nguyễn Hữu Khá	Lộc Thái	100,0	484	25	CLN	ONT
987	Nguyễn Phi Dũng	Lộc Thái	100,0	486	25	CLN	ONT
988	Đoàn Văn Thuận	Lộc Thái	100,0	485	25	CLN	ONT
989	Hoàng Thị Tuyết	Lộc Thái	100,0	483	25	CLN	ONT
990	Lê Ngọc Tuấn	Lộc Thái	100,0	34	19	CLN	ONT
991	Lê Trọng Hội	Lộc Thái	200,0	323	37	CLN	ONT
992	Huỳnh Xuân Vũ	Lộc Thái	100,0	197	8	CLN	ONT
993	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Lộc Thái	200,0	370	25	CLN	ONT
994	Nguyễn Xuân Khoa	Lộc Thái	100,0	277	41	CLN	ONT
995	Trần Thị Kim Oanh	Lộc Thái	1.000,0	540	37	CLN	ONT
996	Phan Văn Quý	Lộc Thái	200,0	193	38	CLN	ONT
997	Phạm Văn Cảnh	Lộc Thái	200,0	16	33	CLN	ONT

998	Phạm Văn Cảnh	Lộc Thái	200,0	15	33	CLN	ONT
999	Đỗ Mạnh Tá	Lộc Thái	300,0	22	42	CLN	ONT
1000	Nguyễn Văn Lộc	Lộc Thái	350,0	192	41	CLN	ONT
1001	Trần Thị Ngọc Yến	Lộc Thái	200,0	358	37	CLN	ONT
1002	Trần Thị Kim Oanh	Lộc Thái	1.500,0	329	25	CLN	ONT
1003	Nguyễn Văn Hoi	Lộc Thái	400,0	58	24	CLN	ONT
1004	Nguyễn Anh Tuấn	Lộc Thái	400,0	329	25	CLN	ONT
1005	Trần Thị Xuân	Lộc Thành	9.900,0	238	TĐ 132-2019	CLN	ONT
1006	Huỳnh Thị Thanh Thảo	Lộc Thành	700,0	5845	TĐ 137-2021	CLN	ONT
1007	Lâm Khun	Lộc Thành	2.000,0	6118	TĐ 5138-2021	CLN	ONT
1008	Phan Thị Ân	Lộc Thành	1.100,0	1301	TĐ 36-2020	CLN	ONT
1009	Trương Thị Hồng Tuyết	Lộc Thành	15.000,0	789	0	CLN	ONT
1010	Trương Thị Hồng Tuyết	Lộc Thành	6.000,0	1322	0	CLN	ONT
1011	Phan Văn An	Lộc Thành	100,0	2841	TĐ 10-2020	CLN	ONT
1012	Mã Thị Hằng	Lộc Thành	500,0	2190	0	CLN	ONT
1013	Mã Thế Thành	Lộc Thành	100,0	6269	TĐ 232-2021	CLN	ONT
1014	Nguyễn Thị Thúy Nga	Lộc Thành	300,0	6267	TĐ 230-2021	CLN	ONT
1015	Đào Việt Hải	Lộc Thành	200,0	4677	TĐ 404-2021	CLN	ONT
1016	Đào Việt Hải	Lộc Thành	200,0	4678	TĐ 405-2021	CLN	ONT
1017	Lê Thị Kiều Tiên	Lộc Thành	200,0	4676	TĐ 403-2021	CLN	ONT
1018	Đoàn Thị Loan	Lộc Thành	200,0	1163	0	CLN	ONT
1019	Đoàn Thị Loan	Lộc Thành	200,0	1976	0	CLN	ONT
1020	Vũ Đức Thắng	Lộc Thành	200,0	3113	TĐ 85-2020	CLN	ONT
1021	Phạm Văn Kỳ	Lộc Thành	200,0	4580	TĐ 13-2021	CLN	ONT
1022	Trần Văn Sang	Lộc Thành	300,0	2495	TĐ 76-2021	CLN	ONT
1023	Nguyễn Hồng Hải	Lộc Thành	4.000,0	2308	TĐ 34-2020	CLN	ONT
1024	Huỳnh Văn Hồng	Lộc Thành	4.000,0	43	6	CLN	ONT
1025	Ngô Hồng Hải	Lộc Thành	4.000,0	2539	TĐ 63-2018	CLN	ONT
1026	Lê Thị Hồng Thắm	Lộc Thành	500,0	2143	0	CLN	ONT
1027	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Lộc Thành	700,0	4291	TĐ 2443-2020	CLN	ONT
1028	Nguyễn Hoàng Thành	Lộc Thành	9.000,0	15	TĐ 60-2020	CLN	ONT
1029	Nguyễn Hoàng Thành	Lộc Thành	5.000,0	213	TĐ 61-2020	CLN	ONT
1030	Nguyễn Lê Sương	Lộc Thành	1.000,0	1392	TĐ 102-2019	CLN	ONT
1031	Lê Thị Hồng Hạnh	Lộc Thành	100,0	3365	TĐ 454-2020	CLN	ONT
1032	Nguyễn Thị Loan	Lộc Thành	1.000,0	1378	0	CLN	ONT
1033	Võ Đức Dũng	Lộc Thành	1.000,0	1379; 1380	0	CLN	ONT
1034	Võ Đức Dũng	Lộc Thành	1.000,0	4289	TĐ 694-2020	CLN	ONT
1035	Võ Đức Dũng	Lộc Thành	1.000,0	4290	TĐ 694-2020	CLN	ONT
1036	Phạm Ngọc Minh	Lộc Thành	400,0	5855	TĐ 3279-2021	CLN	ONT
1037	Nguyễn Thái Hòa	Lộc Thành	200,0	5898	TĐ 3370 -2021	CLN	ONT
1038	Trần Thị Xuân	Lộc Thành	9.900,0	231	0	CLN	ONT
1039	Lê Văn Thêm	Lộc Thành	200,0	3376	TĐ 1025-2020	CLN	ONT
1040	Hòa Văn Thủy	Lộc Thành	400,0	5589	TĐ 3148 – 2021	CLN	ONT
1041	Hòa Văn Thủy	Lộc Thành	200,0	2456	TĐ 1712 – 2021	CLN	ONT
1042	Lâm Nương	Lộc Thành	200,0	4256	TĐ 683 – 2020	CLN	ONT
1043	Hồ Thị Khánh Băng	Lộc Thành	200,0	2106	0	CLN	ONT
1044	Phan Văn An	Lộc Thành	100,0	2841	TĐ 10 – 2020	CLN	ONT
1045	Mã Thị Hằng	Lộc Thành	500,0	2190	0	CLN	ONT
1046	Lâm Rươn	Lộc Thành	2.500,0	5835	TĐ1780-2021	CLN	ONT
1047	Lâm Bura	Lộc Thành	3.300,0	5834	TĐ1772-2021	CLN	ONT
1048	Lâm Chấn Tha	Lộc Thành	5.500,0	5840	TĐ1774-2021	CLN	ONT
1049	Lâm Chấn Tha	Lộc Thành	4.400,0	5839	TĐ1773-2021	CLN	ONT
1050	Lâm Xe	Lộc Thành	6.100,0	6472	TĐ1775-2021	CLN	ONT
1051	Dương Văn Độ	Lộc Thành	5.200,0	6344	TĐ989-2021	CLN	ONT
1052	Hoàng Thị Mận	Lộc Thành	2.500,0	1127	00	CLN	ONT

1053	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5426	TĐ 207-2021	CLN	ONT
1054	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	300,0	5425	TĐ 206-2021	CLN	ONT
1055	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	300,0	5424	TĐ 205-2021	CLN	ONT
1056	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5423	TĐ 204-2021	CLN	ONT
1057	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5422	TĐ 203-2021	CLN	ONT
1058	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5421	TĐ 202-2021	CLN	ONT
1059	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5420	TĐ 201-2021	CLN	ONT
1060	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5419	TĐ 200-2021	CLN	ONT
1061	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5418	TĐ 199-2021	CLN	ONT
1062	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5417	TĐ 198-2021	CLN	ONT
1063	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5416	TĐ 197-2021	CLN	ONT
1064	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5415	TĐ 196-2021	CLN	ONT
1065	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5414	TĐ 195-2021	CLN	ONT
1066	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5413	TĐ 194-2021	CLN	ONT
1067	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5412	TĐ 193-2021	CLN	ONT
1068	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5411	TĐ 192-2021	CLN	ONT
1069	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5410	TĐ 191-2021	CLN	ONT
1070	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5409	TĐ 190-2021	CLN	ONT
1071	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5408	TĐ 189-2021	CLN	ONT
1072	Nguyễn Thanh Hiền	Lộc Thành	200,0	5407	TĐ 188-2021	CLN	ONT
1073	Nguyễn Văn Thỏ	Lộc Thành	400,0	6264	TĐ 40-2019	CLN	ONT
1074	Lê Từ Thắm	Lộc Thành	400,0	6265	TĐ 40-2019	CLN	ONT
1075	Lê Từ Thắm	Lộc Thành	600,0	6266	TĐ 40-2019	CLN	ONT
1076	Dương Quốc Vương	Lộc Thành	16.000,0	6114	TĐ 4608- 2021	CLN	ONT
1077	Nguyễn Bá Nhân	Lộc Thành	2.500,0	1775, 1776	0	CLN	ONT
1078	Điền Cảnh	Lộc Thành	800,0	266	12	CLN	ONT
1079	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	2993	TĐ 163-2020	CLN	ONT
1080	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2978	TĐ 147-2020	CLN	ONT
1081	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	1972	TĐ 142-2020	CLN	ONT
1082	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	1973	TĐ 143-2020	CLN	ONT
1083	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	1974	TĐ 144-2020	CLN	ONT
1084	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	1975	TĐ 145-2020	CLN	ONT
1085	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	1976	TĐ 146-2020	CLN	ONT
1086	Chu Thị Kim Oanh	Lộc Thành	400,0	5329	TĐ 90-2021	CLN	ONT
1087	Điền Sử	Lộc Thành	1.300,0	2903	TĐ 09-2020	CLN	ONT
1088	Mai Đăng Nhân	Lộc Thành	100,0	4160	TĐ 2285-2020	CLN	ONT
1089	Trương Hồng Diễm	Lộc Thành	100,0	4176	TĐ 2301-2020	CLN	ONT
1090	Thị Sĩ	Lộc Thành	3.000,0	2902	TĐ 08-2020	CLN	ONT
1091	Lâm Nương	Lộc Thành	200,0	4256	TĐ 683-2020	CLN	ONT
1092	Hồ Thị Khánh Băng	Lộc Thành	200,0	2106	0	CLN	ONT
1093	Phan Văn An	Lộc Thành	100,0	2841	TĐ 10-2020	CLN	ONT
1094	Mã Thị Hằng	Lộc Thành	500,0	2190	0	CLN	ONT
1095	Nguyễn Hoàng Tâm	Lộc Thành	9.900,0	6063	TĐ 151-2021	CLN	ONT
1096	Điền Hùng	Lộc Thành	600,0	5932	TĐ 147-2021	CLN	ONT
1097	Trần Thị Xuân	Lộc Thành	7.000,0	825	0	CLN	ONT
1098	Trần Công Dinh	Lộc Thành	2.000,0	506	TĐ 42-2021	CLN	ONT
1099	Trịnh Văn Lâm	Lộc Thành	400,0	4487	TĐ 06-2021	CLN	ONT
1100	Nguyễn Xuân Hải	Lộc Thành	3.000,0	2608	0	CLN	ONT
1101	Trần Thị Thang	Lộc Thành	2.500,0	4463	842 - 2020	CLN	ONT
1102	Trần Thị Thang	Lộc Thành	2.000,0	2638	0	CLN	ONT
1103	Trần Thị Thang	Lộc Thành	600,0	132	41	CLN	ONT
1104	Lê Ngọc Hòa	Lộc Thành	300,0	5515	TĐ 231-2021	CLN	ONT
1105	Trần Văn Hưng	Lộc Thành	200,0	3155	TĐ 379-2020	CLN	ONT
1106	Nguyễn Văn Thành	Lộc Thành	2.200,0	1835	TĐ 70-2019	CLN	ONT
1107	Phan Thanh Phi	Lộc Thành	200,0	3697	TĐ 164-2020	CLN	ONT

1108	Phan Thanh Phi	Lộc Thành	200,0	3699	TĐ 166-2020	CLN	ONT
1109	Lâm Khun	Lộc Thành	2.000,0	6115	TĐ 4612-2021	CLN	ONT
1110	Điền Bô	Lộc Thành	200,0	24	0	CLN	ONT
1111	Ngô Thị Thuyền	Lộc Thành	4.500,0	58	7	CLN	ONT
1112	Nguyễn Văn Phúc	Lộc Thành	1.400,0	210	0	CLN	ONT
1113	Nguyễn Thị Hoa	Lộc Thành	200,0	5593	TĐ 3163-2021	CLN	ONT
1114	Nguyễn Thị Hoa	Lộc Thành	200,0	5591	TĐ 3161-2021	CLN	ONT
1115	Nguyễn Thị Hoa	Lộc Thành	200,0	5592	TĐ 3162-2021	CLN	ONT
1116	Phạm Văn Kỳ	Lộc Thành	200,0	4580	TĐ 13-2021	CLN	ONT
1117	Nguyễn Quốc Việt	Lộc Thành	200,0	3684	TĐ 1563-2021	CLN	ONT
1118	Phạm Hữu Tông	Lộc Thành	100,0	2549	TĐ 600-2020	CLN	ONT
1119	Nguyễn Văn Năm	Lộc Thành	1.000,0	5979	TĐ 165-2021	CLN	ONT
1120	Nguyễn Văn Năm	Lộc Thành	1.000,0	5980	TĐ 166-2021	CLN	ONT
1121	Nguyễn Văn Năm	Lộc Thành	1.000,0	5981	TĐ 167-2021	CLN	ONT
1122	Nguyễn Văn Năm	Lộc Thành	800,0	5982	TĐ 168-2021	CLN	ONT
1123	Lê Minh Sâm	Lộc Thành	1.200,0	4296	TĐ 2539-2020	CLN	ONT
1124	Lê Thị Kim Vương	Lộc Thành	200,0	247	12	CLN	ONT
1125	Trần Đẩu	Lộc Thành	200,0	75	12	CLN	ONT
1126	Vũ Thị Lan	Lộc Thành	400,0	3962	TĐ 581-2020	CLN	ONT
1127	Lê Văn Thành	Lộc Thành	300,0	3414	TĐ 763-2020	CLN	ONT
1128	Lê Văn Thành	Lộc Thành	600,0	3415	TĐ 764-2020	CLN	ONT
1129	Lê Văn Thành	Lộc Thành	500,0	3416	TĐ 765-2020	CLN	ONT
1130	Nguyễn Thanh Hải	Lộc Thành	400,0	1916	0	CLN	ONT
1131	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	400,0	3014	TĐ 184-2020	CLN	ONT
1132	Trần Thị Ngoãn	Lộc Thành	500,0	3015	TĐ 185-2020	CLN	ONT
1133	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	400,0	3013	TĐ 183-2020	CLN	ONT
1134	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	400,0	3012	TĐ 182-2020	CLN	ONT
1135	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	600,0	3011	TĐ 181-2020	CLN	ONT
1136	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	3010	TĐ 180-2020	CLN	ONT
1137	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	3009	TĐ 179-2020	CLN	ONT
1138	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	3008	TĐ 178-2020	CLN	ONT
1139	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	3007	TĐ 177-2020	CLN	ONT
1140	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	600,0	3006	TĐ 176-2020	CLN	ONT
1141	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	600,0	3005	TĐ 175-2020	CLN	ONT
1142	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	3004	TĐ 173-2020	CLN	ONT
1143	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	3003	TĐ 172-2020	CLN	ONT
1144	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	3002	TĐ 171-2020	CLN	ONT
1145	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	3001	TĐ 170-2020	CLN	ONT
1146	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	3000	TĐ 169-2020	CLN	ONT
1147	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2999	TĐ 168-2020	CLN	ONT
1148	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2998	TĐ 167-2020	CLN	ONT
1149	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2997	TĐ 166-2020	CLN	ONT
1150	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2996	TĐ 165-2020	CLN	ONT
1151	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	2995	TĐ 164-2020	CLN	ONT
1152	Trần Thị Ngoãn	Lộc Thành	800,0	2994	TĐ 174-2020	CLN	ONT
1153	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	2992	TĐ 162-2020	CLN	ONT
1154	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	2991	TĐ 161-2020	CLN	ONT
1155	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	2990	TĐ 160-2020	CLN	ONT
1156	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	2989	TĐ 159-2020	CLN	ONT
1157	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2988	TĐ 158-2020	CLN	ONT
1158	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2987	TĐ 157-2020	CLN	ONT
1159	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2986	TĐ 156-2020	CLN	ONT
1160	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	2985	TĐ 155-2020	CLN	ONT
1161	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2984	TĐ 153-2020	CLN	ONT
1162	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	2983	TĐ 152-2020	CLN	ONT

1163	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2982	TĐ 151-2020	CLN	ONT
1164	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2981	TĐ 150-2020	CLN	ONT
1165	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	2980	TĐ 149-2020	CLN	ONT
1166	Trần Thị Thắm	Lộc Thành	500,0	2979	TĐ 148-2020	CLN	ONT
1167	Trần Thị Ngõn	Lộc Thành	600,0	2977	TĐ 154-2020	CLN	ONT
1168	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	2971	TĐ 196-2020	CLN	ONT
1169	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2970	TĐ 195-2020	CLN	ONT
1170	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	2969	TĐ 194-2020	CLN	ONT
1171	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2968	TĐ 193-2020	CLN	ONT
1172	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	2967	TĐ 192-2020	CLN	ONT
1173	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2966	TĐ 191-2020	CLN	ONT
1174	Nguyễn Xuân Mạnh	Lộc Thành	500,0	2965	TĐ 190-2020	CLN	ONT
1175	Nguyễn Thị Tuyết Dung	Lộc Thành	500,0	2964	TĐ 189-2020	CLN	ONT
1176	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Lộc Thành	200,0	3706	TĐ 173-2020	CLN	ONT
1177	Nguyễn Thị Thúy	Lộc Thành	100,0	3707	TĐ 174-2020	CLN	ONT
1178	Nguyễn Thị Thúy	Lộc Thành	100,0	3708	TĐ 175-2020	CLN	ONT
1179	Nguyễn Thị Thúy	Lộc Thành	100,0	3709	TĐ 176-2020	CLN	ONT
1180	Mai Anh Tuấn	Lộc Thành	800,0	704	TĐ 84-2020	CLN	ONT
1181	Trần Văn Đuyn	Lộc Thành	400,0	3271	TĐ 08-2021	CLN	ONT
1182	Trần Văn Nơ	Lộc Thành	3.200,0	07; 08	11	CLN	ONT
1183	Hà Thúc Ân	Lộc Thành	6.000,0	33	7	CLN	ONT
1184	Vũ Văn An	Lộc Thành	1.000,0	191	7	CLN	ONT
1185	Trần Doãn Thuận	Lộc Thành	100,0	117	7	CLN	ONT
1186	Hồ Thị Lan Hương	Lộc Thành	100,0	186	7	CLN	ONT
1187	Phạm Thị Bình Minh	Lộc Thành	100,0	187	7	CLN	ONT
1188	Bùi Thị Sáu	Lộc Thành	1.900,0	44	6	CLN	ONT
1189	Nguyễn Văn Hùng	Lộc Thành	400,0	31	9	CLN	ONT
1190	Ngô Đình Sơn	Lộc Thành	500,0	236	5	CLN	ONT
1191	Lương Văn Mập	Lộc Thành	300,0	71	17	CLN	ONT
1192	Trần Việt Anh	Lộc Thành	400,0	195	7	CLN	ONT
1193	Nguyễn Văn Chiến	Lộc Thành	400,0	64	6	CLN	ONT
1194	Nguyễn Văn Chiến	Lộc Thành	300,0	17	9	CLN	ONT
1195	Nguyễn Văn Trường	Lộc Thành	400,0	95	8	CLN	ONT
1196	Hoàng Quốc Việt	Lộc Thành	400,0	73	8	CLN	ONT
1197	Đoàn Công Hùng	Lộc Thành	400,0	482	TĐ 3125-2021	CLN	ONT
1198	Lê Văn Nam	Lộc Thành	100,0	355	TĐ 135-2020	CLN	ONT
1199	Mai Thanh Quyền	Lộc Thành	100,0	361	TĐ 06-2021	CLN	ONT
1200	Bùi Thị Thanh Bình	Lộc Thành	100,0	115	7	CLN	ONT
1201	Võ Chí Hải	Lộc Thành	100,0	356	TĐ 136-2020	CLN	ONT
1202	Nguyễn Thị Anh Thương	Lộc Thành	100,0	362	TĐ 07-2021	CLN	ONT
1203	Đoàn Công Hùng	Lộc Thành	400,0	461	TĐ 803-2021	CLN	ONT
1204	Lê Xuân Định	Lộc Thành	200,0	354	TĐ 134-2020	CLN	ONT
1205	Lê Xuân Định	Lộc Thành	200,0	353	TĐ 133-2021	CLN	ONT
1206	Trần Thị Thoa	Lộc Thành	400,0	45	7	CLN	ONT
1207	Đoàn Công Hùng	Lộc Thành	200,0	85	14	CLN	ONT
1208	Hồ Thị Út Nhó	Lộc Thành	400,0	180	5	CLN	ONT
1209	Vũ Tiến Tùng	Lộc Thành	100,0	116	7	CLN	ONT
1210	Lê Văn Nam	Lộc Thành	100,0	138	7	CLN	ONT
1211	Lê Văn Nam	Lộc Thành	100,0	355	TĐ 135-2020	CLN	ONT
1212	Mai Thanh Quyền	Lộc Thành	100,0	361	TĐ 06-2021	CLN	ONT
1213	Mai Danh Thành	Lộc Thành	100,0	115	7	CLN	ONT
1214	Phạm Minh Hiếu	Lộc Thành	100,0	976	TĐ 639-2020	CLN	ONT
1215	Võ Chí Hải	Lộc Thành	100,0	356	TĐ 136-2020	CLN	ONT
1216	Nguyễn Thị Anh Thương	Lộc Thành	100,0	362	TĐ 07-2021	CLN	ONT
1217	Lê Văn Thế	Lộc Thành	2.000,0	38	6	CLN	ONT

1218	Trần Thị Thoa	Lộc Thạnh	500,0	181	7	CLN	ONT
1219	Lê Mạnh Tiến	Lộc Thạnh	1.600,0	62	8	CLN	ONT
1220	Trần Thị Sét	Lộc Thạnh	2.500,0	38	6	CLN	ONT
1221	Trương Hiếu	Lộc Thiện	400,0	75	24	CLN	ONT
1222	Trần Đức Duy	Lộc Thiện	400,0	3411	TĐ 1657-2021	CLN	ONT
1223	Trần Đức Duy	Lộc Thiện	200,0	3412	TĐ 1658-2021	CLN	ONT
1224	Nguyễn Thị Thu Vân	Lộc Thiện	200,0	2142	TĐ 287-2020	CLN	ONT
1225	Nguyễn Thị Loan	Lộc Thiện	600,0	2483	TĐ 121-2018	CLN	ONT
1226	Lê Chí Lức	Lộc Thiện	3.000,0	LCL	sổ cũ	CLN	ONT
1227	Đào Thị Cẩm Hạnh	Lộc Thiện	6.000,0	189	0	CLN	ONT
1228	Võ Thế Hào	Lộc Thiện	400,0	3390	TĐ 1419 – 2021	CLN	ONT
1229	Võ Thế Hào	Lộc Thiện	400,0	3392	TĐ 1421 – 2021	CLN	ONT
1230	Võ Thế Hào	Lộc Thiện	400,0	3397	TĐ 1426 – 2021	CLN	ONT
1231	Võ Thế Hào	Lộc Thiện	400,0	3395	TĐ 1424 – 2021	CLN	ONT
1232	Võ Thế Hào	Lộc Thiện	400,0	3396	TĐ 1425 – 2021	CLN	ONT
1233	Võ Thế Hào	Lộc Thiện	400,0	3391	TĐ 1420 - 2021	CLN	ONT
1234	Dương Thị Bích Vân	Lộc Thiện	100,0	3485	TĐ 202 – 2021	CLN	ONT
1235	Lê Phục Nguyên	Lộc Thiện	100,0	3187	TĐ 204 – 2021	CLN	ONT
1236	Nguyễn Văn Hóa	Lộc Thiện	100,0	3182	TĐ 199 – 2021	CLN	ONT
1237	Dương Thị Bích Vân	Lộc Thiện	100,0	3188	TĐ 205 – 2021	CLN	ONT
1238	Dương Vĩnh Nam	Lộc Thiện	100,0	3186	TĐ 203 – 2021	CLN	ONT
1239	Vũ Văn Tuấn	Lộc Thiện	2.200,0	3903	TĐ-4619-2021	LNC	ONT
1240	Vũ Văn Tuấn	Lộc Thiện	2.000,0	368	00	LNC	ONT
1241	Thiều Thị Hạnh	Lộc Thiện	400,0	3245	TĐ-464-2021	CLN	ONT
1242	Nguyễn Thị Thơ	Lộc Thiện	1.500,0	2831	TĐ-60-2020	CLN	ONT
1243	Nguyễn Thanh Hải	Lộc Thiện	400,0	3899	TĐ 165-2021	CLN	ONT
1244	Lê Thanh Sơn	Lộc Thiện	400,0	1777	TĐ 16-2021	CLN	ONT
1245	Đào Đình Toàn	Lộc Thiện	300,0	962	0	CLN	ONT
1246	Đỗ Thị Thúy Vinh	Lộc Thiện	100,0		sổ cũ	CLN	ONT
1247	Nguyễn Văn Đại	Lộc Thiện	100,0	1868	0	CLN	ONT
1248	Ngô Văn Điền	Lộc Thiện	400,0	3247	TĐ 26-2021	CLN	ONT
1249	Nguyễn Viết Dân	Lộc Thiện	200,0	2136	TĐ 272-2019	CLN	ONT
1250	Lại Văn Thiều	Lộc Thiện	350,0	2241	00	CLN	ONT
1251	Nguyễn Văn Tiến	Lộc Thiện	400,0	286	00	CLN	ONT
1252	Nguyễn Văn Tiến	Lộc Thiện	400,0	1044	0	CLN	ONT
1253	Hoàng Chí Thánh	Lộc Thiện	500,0	2406	0	CLN	ONT
1254	Vũ Hồng Tâm	Lộc Thiện	800,0	2453	TĐ 95-2018	CLN	ONT
1255	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	300,0	3816	TĐ 134-2021	CLN	ONT
1256	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	300,0	3817	TĐ 135-2021	CLN	ONT
1257	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	300,0	3818	TĐ 136-2021	CLN	ONT
1258	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	300,0	3819	TĐ 137-2021	CLN	ONT
1259	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	300,0	3820	TĐ 138-2021	CLN	ONT
1260	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	400,0	3821	TĐ 139-2021	CLN	ONT
1261	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	400,0	3822	TĐ 140-2021	CLN	ONT
1262	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	200,0	3823	TĐ 141-2021	CLN	ONT
1263	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	200,0	3824	TĐ 142-2021	CLN	ONT
1264	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	200,0	3825	TĐ 143-2021	CLN	ONT
1265	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	200,0	3826	TĐ 144-2021	CLN	ONT
1266	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	200,0	3827	TĐ 145-2021	CLN	ONT
1267	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	200,0	3828	TĐ 146-2021	CLN	ONT
1268	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	200,0	3829	TĐ 147-2021	CLN	ONT
1269	Dương Ngọc Tuấn	Lộc Thiện	1.700,0	3387	TĐ 69-2021	CLN	ONT
1270	Nguyễn Thị Tuyết	Lộc Thiện	600,0	4357	TĐ 39-2020	CLN	ONT
1271	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Lộc Thiện	400,0	2141	TĐ 521-2020	CLN	ONT
1272	Nguyễn Văn Thịnh	Lộc Thiện	400,0	3876	TĐ 4335-2021	CLN	ONT

1273	Nguyễn Văn Thịnh	Lộc Thiện	400,0	3873	TĐ 4332-2021	CLN	ONT
1274	Nguyễn Văn Thịnh	Lộc Thiện	400,0	3874	TĐ 4333-2021	CLN	ONT
1275	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Lộc Thiện	1.000,0	2464	0	CLN	ONT
1276	Nguyễn Thị Thùy	Lộc Thiện	400,0	3872	TĐ 4331-2021	CLN	ONT
1277	Nguyễn Thị Thùy	Lộc Thiện	400,0	3871	TĐ 4334-2021	CLN	ONT
1278	Nguyễn Văn Vinh	Lộc Thiện	400,0	3572	TĐ 101-2021	CLN	ONT
1279	Nguyễn Văn Hải	Lộc Thiện	4.000,0	3900	TĐ 4348-2021	CLN	ONT
1280	Nguyễn Thị Thu Hương	Lộc Thiện	500,0	2846	TĐ 75-2020	CLN	ONT
1281	Trần Thị Kim Tươi	Lộc Thiện	400,0	3320	TĐ 2258-2021	CLN	ONT
1282	Nguyễn Hữu Học	Lộc Thiện	100,0	1541	TĐ 23-2021	CLN	ONT
1283	Nguyễn Văn Thơ	Lộc Thiện	100,0	3104	TĐ 151-2020	CLN	ONT
1284	Nguyễn Văn Đại	Lộc Thiện	300,0	1814	0	CLN	ONT
1285	Nguyễn Văn Đức	Lộc Thiện	1.000,0	1811	0	CLN	ONT
1286	Nguyễn Văn Đức	Lộc Thiện	400,0	1812	0	CLN	ONT
1287	Trần Văn Tăng	Lộc Thiện	2.400,0	908	0	CLN	ONT
1288	Lưu Thị Mỹ Lộc	Lộc Thiện	2.000,0	991	0	CLN	ONT
1289	Lưu Thị Mỹ Lộc	Lộc Thiện	800,0	1033	0	CLN	ONT
1290	Võ Văn Minh	Lộc Thiện	400,0	3841	TĐ 148-2021	CLN	ONT
1291	Nguyễn Hữu Hưng	Lộc Thiện	400,0	3842	TĐ 149-2021	CLN	ONT
1292	Hoàng Ngọc Hoan	Lộc Thiện	400,0	1999	0	CLN	ONT
1293	Nguyễn Thành Trung	Lộc Thiện	2.000,0	2491	TĐ 134-2018	CLN	ONT
1294	Huỳnh Thụy Ngân Anh	Lộc Thiện	400,0	2856	TĐ 446-2020	CLN	ONT
1295	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	800,0	3850	TĐ 4058-2021	CLN	ONT
1296	Hà Văn Sỹ	Lộc Thiện	102,0	235	24	CLN	ONT
1297	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	100,0	3793	TĐ 3768-2021	CLN	ONT
1298	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	200,0	3792	TĐ 3767-2021	CLN	ONT
1299	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	200,0	3791	TĐ 3766-2021	CLN	ONT
1300	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	200,0	3790	TĐ 3765-2021	CLN	ONT
1301	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	200,0	3.789	TĐ 3764-2021	CLN	ONT
1302	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	300,0	3785	TĐ 3581-2021	CLN	ONT
1303	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	300,0	3784	TĐ 3580-2021	CLN	ONT
1304	Võ Thế Hào	Lộc Thiện	100,0	3171	TĐ 188-2021	CLN	ONT
1305	Võ Thế Hào	Lộc Thiện	100,0	3179	TĐ-196-2021	CLN	ONT
1306	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	400,0	3623	TĐ-2992-2021	CLN	ONT
1307	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	200,0	198	15	CLN	ONT
1308	Trần Đức Dinh	Lộc Thiện	400,0	3266	TĐ-602-2021	CLN	ONT
1309	Nguyễn Tiến Nhanh	Lộc Thiện	500,0	221	0	CLN	ONT
1310	Nguyễn Thị Liên Trang	Lộc Thiện	1.600,0	2139	TĐ 533-2020	CLN	ONT
1311	Nguyễn Văn Tịnh	Lộc Thiện	400,0	1596	0	CLN	ONT
1312	Nguyễn Thị Chiêm	Lộc Thiện	400,0	2868	TĐ 1145-2020	CLN	ONT
1313	Phan Văn Trọng	Lộc Thiện	100,0	PVT	0	CLN	ONT
1314	Phạm Anh Sơn	Lộc Thiện	300,0	3599	TĐ 105-2021	CLN	ONT
1315	Bùi Trung Hiếu	Lộc Thiện	100,0	2854	TĐ 444-2020	CLN	ONT
1316	Hoàng Minh Đức	Lộc Thiện	400,0	HMD	0	CLN	ONT
1317	Hoàng Minh Đức	Lộc Thiện	400,0	HMD	0	CLN	ONT
1318	Nguyễn Khắc Vinh	Lộc Thiện	300,0	186	25	CLN	ONT
1319	Trương Quang Vinh	Lộc Thiện	400,0	1125	TĐ 41-2019	CLN	ONT
1320	Nguyễn Thị Kim Cúc	Lộc Thiện	200,0	2475	TĐ 134-2018	CLN	ONT
1321	Nguyễn Hữu Chiến	Lộc Thiện	400,0	593	0	CLN	ONT
1322	Phạm Thị Mỹ	Lộc Thiện	100,0	2.650	TĐ 163-2019	CLN	ONT
1323	Nguyễn Thị Lệ Thùy	Lộc Thiện	100,0	1.581	0	CLN	ONT
1324	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Lộc Thiện	400,0	3.282	TĐ 44-2021	CLN	ONT
1325	Trần Thị Vui	Lộc Thiện	400,0	1627	TĐ 98-2019	CLN	ONT
1326	Nguyễn Kim Tiền	Lộc Thiện	400,0	3267	TĐ 603-2021	CLN	ONT
1327	Triệu Ngọc Cảnh	Lộc Thiện	100,0	3103	TĐ 150-2020	CLN	ONT

1328	Phạm Thị Huệ	Lộc Thiện	400,0	1521	TĐ 85-2018	CLN	ONT
1329	Nguyễn Thị Kim Yến	Lộc Thiện	300,0	1186	0	CLN	ONT
1330	Ngô Viết Đông	Lộc Thiện	300,0	285	0	CLN	ONT
1331	Nguyễn Văn Hoàng	Lộc Thiện	400,0	681	0	CLN	ONT
1332	Văn Công Sang	Lộc Thiện	100,0	22	TĐ 40-2020	CLN	ONT
1333	Văn Công Danh	Lộc Thiện	400,0	2.035	TĐ 19-2017	CLN	ONT
1334	Nguyễn Hữu Cường	Lộc Thiện	100,0	3259	TĐ 37-2021	CLN	ONT
1335	Văn Công Sang	Lộc Thiện	400,0	3660	TĐ 176-2022	CLN	ONT
1336	Nguyễn Hồng Khánh	Lộc Thiện	200,0	1564	0	CLN	ONT
1337	Lê Bình	Lộc Thiện	300,0	LB	24	CLN	ONT
1338	Phạm Thị Yên	Lộc Thiện	200,0	3063	TĐ 244-2020	CLN	ONT
1339	Nguyễn Văn Khiêm	Lộc Thiện	200,0	2786	TĐ 199-2019	CLN	ONT
1340	Nguyễn Văn Hùng	Lộc Thiện	100,0	2690	TĐ 153-2019	CLN	ONT
1341	Huỳnh Thụy Ngân Anh	Lộc Thiện	200,0	2856	TĐ 466-2020	CLN	ONT
1342	Đỗ Hồng Hải	Lộc Thiện	400,0	448	TĐ 96-2020	CLN	ONT
1343	Nguyễn Văn Phúc	Lộc Thiện	100,0	1.894	0	CLN	ONT
1344	Vũ Thị Bình	Lộc Thiện	200,0	3.095	TĐ 250-2019	CLN	ONT
1345	Hoàng Hữu Bắc	Lộc Thiện	100,0	2.550	TĐ 52-2019	CLN	ONT
1346	Bùi Minh Nhật	Lộc Thiện	300,0	3.041	TĐ 225-2020	CLN	ONT
1347	Bùi Nhân	Lộc Thiện	300,0	3042	TĐ 226-2020	CLN	ONT
1348	Bùi Thị Thu Nguyệt	Lộc Thiện	300,0	3040	TĐ 224-2020	CLN	ONT
1349	Đặng Thị Phương Anh	Lộc Thiện	300,0	3038	TĐ 222-2020	CLN	ONT
1350	Tạ Thị Thu Cúc	Lộc Thiện	300,0	3037	TĐ 221-2020	CLN	ONT
1351	Dương Thị Việt	Lộc Thiện	300,0	3039	TĐ 223-2020	CLN	ONT
1352	Phan Văn Thành	Lộc Thiện	200,0	1393	TĐ 250-2020	CLN	ONT
1353	Nguyễn Như Vượng	Lộc Thiện	400,0	398	TĐ 266-2021	CLN	ONT
1354	Tràng Văn Nguyên	Lộc Thiện	400,0	584	27	CLN	ONT
1355	Huỳnh Trọng Nghĩa	Lộc Thiện	100,0	4371	TĐ 4199-2021	CLN	ONT
1356	Huỳnh Trọng Nghĩa	Lộc Thiện	100,0	4372	TĐ 4200-2021	CLN	ONT
1357	Huỳnh Trọng Nghĩa	Lộc Thiện	100,0	4373	TĐ 4201-2021	CLN	ONT
1358	Huỳnh Trọng Nghĩa	Lộc Thiện	100,0	4374	TĐ 4202-2021	CLN	ONT
1359	Phạm Văn Út	Lộc Thiện	300,0	2158	TĐ 136-2019	CLN	ONT
1360	Phạm Thảo Nguyên	Lộc Thiện	100,0	2838	TĐ 601-2020	CLN	ONT
1361	Trương Minh Thiện	Lộc Thiện	900,0	3.862	TĐ 2062-2021	CLN	ONT
1362	Phạm Thị Khánh Duyên	Lộc Thiện	300,0	469	TĐ 16-2019	CLN	ONT
1363	Nguyễn Văn Mỹ	Lộc Thiện	400,0	347	28	CLN	ONT
1364	Nguyễn Văn Mỹ	Lộc Thiện	1.000,0	349	28	CLN	ONT
1365	Nguyễn Văn Mỹ	Lộc Thiện	500,0	352	27	CLN	ONT
1366	Nguyễn Văn Mỹ	Lộc Thiện	1.000,0	351	27	CLN	ONT
1367	Nguyễn Văn Mỹ	Lộc Thiện	1.000,0	353	27	CLN	ONT
1368	Nguyễn Văn Mỹ	Lộc Thiện	1.000,0	350	27	CLN	ONT
1369	Nguyễn Văn Giao	Lộc Thiện	600,0	710	00	CLN	ONT
1370	Hoàng Minh Hưng	Lộc Thiện	200,0	2.045	TĐ 146-2018	CLN	ONT
1371	Trần Văn Dương	Lộc Thiện	8.000,0	955	0	CLN	ONT
1372	Hồ Minh Nhật	Lộc Thiện	4.000,0	217	0	CLN	ONT
1373	Nguyễn Văn Khải	Lộc Thiện	100,0	4.312	TĐ 199-2021	CLN	ONT
1374	Hồ Văn Thương	Lộc Thiện	2.000,0	3.188	TĐ 1827-2020	CLN	ONT
1375	Nguyễn Quang Minh	Lộc Thiện	6.000,0	55	26	CLN	ONT
1376	Nguyễn Thị Thủy	Lộc Thiện	200,0	2.712	TĐ 383-2020	CLN	ONT
1377	Phạm Tuấn Nghị	Lộc Thiện	3.000,0	22	28	CLN	ONT
1378	Phạm Tuấn Nghị	Lộc Thiện	3.000,0	65	0	CLN	ONT
1379	Phạm Văn Hưng	Lộc Thiện	5.000,0	19	28	CLN	ONT
1380	Huỳnh Huy Dũng	Lộc Thiện	200,0	926	0	CLN	ONT
1381	Huỳnh Huy Dũng	Lộc Thiện	200,0	926	01	CLN	ONT
1382	Thị Bích	Lộc Thiện	100,0	4.400	TĐ 1376-2021	CLN	ONT

1383	Trần Văn Trung	Lộc Thịnh	300,0	3.365	TĐ 953-2020	CLN	ONT
1384	Thị Sam	Lộc Thịnh	4.500,0	4.931	TĐ 5028-2021	CLN	ONT
1385	Lê Thị Ngọc Thi	Lộc Thịnh	1.200,0	4.126	TĐ 609-2021	CLN	ONT
1386	Đậu Thanh Việt	Lộc Thịnh	1.150,0	4.128	TĐ 611-2021	CLN	ONT
1387	Tô Văn Bình	Lộc Thịnh	2.000,0	4.123	TĐ 606-2021	CLN	ONT
1388	Lương Ngọc Toàn	Lộc Thịnh	2.000,0	4.124	TĐ 607-2021	CLN	ONT
1389	Lê Hoàng Anh	Lộc Thịnh	400,0	3799	TĐ 118-2021	CLN	ONT
1390	Phạm Ngọc Mai	Lộc Thịnh	200,0	2821	TĐ 452-2020	CLN	ONT
1391	Hà Ngọc Đạt	Lộc Thịnh	300,0	363	28	CLN	ONT
1392	Lê Thị Tròn	Lộc Thịnh	200,0	3209	TĐ 1744-2020	CLN	ONT
1393	Huỳnh Công Thuận	Lộc Thịnh	300,0	204	28	CLN	ONT
1394	Phạm Văn Tiến	Lộc Thịnh	100,0	3215	TĐ 1750-2020	CLN	ONT
1395	Lê Thị Tròn	Lộc Thịnh	100,0	3208	TĐ 1743-2020	CLN	ONT
1396	Phạm Đình Châu	Lộc Thịnh	200,0	284	20	CLN	ONT
1397	Lê Văn Rái	Lộc Thịnh	100,0	2358	TĐ 549-2019	CLN	ONT
1398	Đoàn Văn Tuyển	Lộc Thịnh	100,0	554	20	CLN	ONT
1399	Đặng Thị Thùy	Lộc Thịnh	100,0	2510	TĐ 237-2020	CLN	ONT
1400	Võ Văn Tem	Lộc Thịnh	100,0	2835	TĐ 466-2020	CLN	ONT
1401	Phùng Khắc Chương	Lộc Thịnh	100,0	2488	TĐ 190-2020	CLN	ONT
1402	Lưu Quang Hùng	Lộc Thịnh	200,0	4640	TĐ 1393-2020	CLN	ONT
1403	Hồ Thị Lệ	Lộc Thịnh	100,0	2041	0	CLN	ONT
1404	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	3.000,0	1	0	CLN	ONT
1405	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	2.000,0	143	0	CLN	ONT
1406	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	2.000,0	142	0	CLN	ONT
1407	Nguyễn Ngọc Hạnh	Lộc Thịnh	1.000,0	96	0	CLN	ONT
1408	Nguyễn Ngọc Hạnh	Lộc Thịnh	2.000,0	97	0	CLN	ONT
1409	Bùi Thị Hải Lý	Lộc Thịnh	300,0	2664	TĐ 446-2020	CLN	ONT
1410	Đỗ Thị Minh	Lộc Thịnh	6.000,0	4945	TĐ 750-2021	CLN	ONT
1411	Lê Thanh Sơn	Lộc Thịnh	2.900,0	230	00	CLN	ONT
1412	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4674	TĐ 399 - 2021	LNC	ONT
1413	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4675	TĐ 400 - 2021	LNC	ONT
1414	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4676	TĐ 401 - 2021	LNC	ONT
1415	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4677	TĐ 402 - 2021	LNC	ONT
1416	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4678	TĐ 403 - 2021	LNC	ONT
1417	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4679	TĐ 404 - 2021	LNC	ONT
1418	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4680	TĐ 405 - 2021	LNC	ONT
1419	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	200,0	4681	TĐ 406 - 2021	LNC	ONT
1420	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	200,0	4682	TĐ 407 - 2021	LNC	ONT
1421	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	400,0	4683	TĐ 408 - 2021	LNC	ONT
1422	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4684	TĐ 409 - 2021	LNC	ONT
1423	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4685	TĐ 410 - 2021	LNC	ONT
1424	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4686	TĐ 411 - 2021	LNC	ONT
1425	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4687	TĐ 412 - 2021	LNC	ONT
1426	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4688	TĐ 413 - 2021	LNC	ONT
1427	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4689	TĐ 414 - 2021	LNC	ONT
1428	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4690	TĐ 415 - 2021	LNC	ONT
1429	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4691	TĐ 416 - 2021	LNC	ONT
1430	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4692	TĐ 417 - 2021	LNC	ONT
1431	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4693	TĐ 418 - 2021	LNC	ONT
1432	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4694	TĐ 419 - 2021	LNC	ONT
1433	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4695	TĐ 420 - 2021	LNC	ONT
1434	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4696	TĐ 421 - 2021	LNC	ONT
1435	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4697	TĐ 422 - 2021	LNC	ONT
1436	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4698	TĐ 423 - 2021	LNC	ONT
1437	Hồ Thị Thái Thanh	Lộc Thịnh	100,0	4699	TĐ 424 - 2021	LNC	ONT

[illegible]

1491	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4272	TĐ 3051 - 021	LNC	ONT
1492	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4273	TĐ 3052 -2021	LNC	ONT
1493	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4274	TĐ 3053 -2021	LNC	ONT
1494	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4275	TĐ 3054 -2021	LNC	ONT
1495	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4276	TĐ 3055 -2021	LNC	ONT
1496	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4277	TĐ 3056 -2021	LNC	ONT
1497	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4278	TĐ 3057 -2021	LNC	ONT
1498	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4279	TĐ 3058 -2021	LNC	ONT
1499	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4280	TĐ 3059 -2021	LNC	ONT
1500	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4281	TĐ 3060 - 2021	LNC	ONT
1501	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4282	TĐ 3061 -2021	LNC	ONT
1502	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4283	TĐ 3062 -2021	LNC	ONT
1503	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4284	TĐ 3063 -2021	LNC	ONT
1504	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4285	TĐ 3064 -2021	LNC	ONT
1505	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4286	TĐ 3065 -2021	LNC	ONT
1506	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4287	TĐ 3066 -2021	LNC	ONT
1507	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4288	TĐ 3067 -2021	LNC	ONT
1508	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4289	TĐ 3068 -2021	LNC	ONT
1509	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4290	TĐ 3069 -2021	LNC	ONT
1510	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	200,0	4291	TĐ 3070 -2021	LNC	ONT
1511	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	300,0	4292	TĐ 3071 -2021	LNC	ONT
1512	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	400,0	4293	TĐ 3072 - 2021	LNC	ONT
1513	Nguyễn Văn Đây	Lộc Thịnh	500,0	4294	TĐ 3073 -2021	LNC	ONT
1514	Hoàng Thị Thủy	Lộc Thịnh	100,0	2047	0	CLN	ONT
1515	Phạm Hữu Nghị	Lộc Thịnh	600,0	2994	TĐ 1378-2020	CLN	ONT
1516	Nguyễn Văn Tuấn	Lộc Thịnh	100,0	2047	0	CLN	ONT
1517	Lâm Sóc	Lộc Thịnh	1.800,0	4928	TĐ 4620-2021	CLN	ONT
1518	Trần Thị Út	Lộc Thịnh	200,0	3067	TĐ 1408-2020	CLN	ONT
1519	Nguyễn Thanh Lâm	Lộc Thịnh	400,0	2834	TĐ 465-2020	CLN	ONT
1520	Đặng Thị Đông Hà	Lộc Thịnh	400,0	2340	TĐ 406-2019	CLN	ONT
1521	Phạm Thị Hường	Lộc Thịnh	500,0	208	26	CLN	ONT
1522	Phạm Thị Hường	Lộc Thịnh	400,0	209	26	CLN	ONT
1523	Nguyễn Quân Vũ	Lộc Thịnh	5.000,0	103	TĐ 33-2021	CLN	ONT
1524	Trần Thị Út	Lộc Thịnh	200,0	3068	TĐ 1409-2020	CLN	ONT
1525	Trần Thị Út	Lộc Thịnh	200,0	3069	TĐ 1410-2020	CLN	ONT
1526	Lê Hoàng Dân	Lộc Thịnh	200,0	3066	TĐ 1407-2020	CLN	ONT
1527	Lâm Thích	Lộc Thịnh	3.500,0	4332	TĐ 3293-2021	CLN	ONT
1528	Đỗ Duy Xuân	Lộc Thịnh	2.000,0	2709	TĐ 307-2020	CLN	ONT
1529	Trần Thị Vững	Lộc Thịnh	400,0	6073	TĐ 800-2021	CLN	ONT
1530	Lê Văn Luận	Lộc Thịnh	4.000,0	4378	0	CLN	ONT
1531	Trần Thị Tý	Lộc Thịnh	200,0	3969	TĐ 3301-2021	CLN	ONT
1532	Huỳnh Hiếu Dũng	Lộc Thịnh	200,0	926	0	CLN	ONT
1533	Phan Thái Bình	Lộc Thịnh	500,0	339	28	CLN	ONT
1534	Bùi Minh Thủy	Lộc Thịnh	1.000,0	1086	0	CLN	ONT
1535	Hoàng Duy Hùng	Lộc Thịnh	400,0	207	26	CLN	ONT
1536	Nguyễn Tiến Lợi	Lộc Thịnh	400,0	3362	TĐ 350-2020	CLN	ONT
1537	Bùi Hữu Chinh	Lộc Thịnh	400,0	2711	TĐ 384-2020	CLN	ONT
1538	Trần Văn Hưng	Lộc Thịnh	400,0	2687	TĐ 702-2020	CLN	ONT
1539	Trần Văn Hưng	Lộc Thịnh	400,0	2688	TĐ 703-2020	CLN	ONT
1540	Trần Văn Hưng	Lộc Thịnh	600,0	2689	TĐ 704-2020	CLN	ONT
1541	Lê Văn Thành	Lộc Thịnh	700,0	2817	TĐ 449-2020	CLN	ONT
1542	Lê Văn Thành	Lộc Thịnh	200,0	3568	TĐ 69-2021	CLN	ONT
1543	Trần Thị Hạnh	Lộc Thịnh	200,0	3569	TĐ 70-2021	CLN	ONT
1544	Lê Văn Thành	Lộc Thịnh	200,0	3570	TĐ 71-2021	CLN	ONT

1545	Trần Thị Hạnh	Lộc Thịnh	200,0	3571	TĐ 72-2021	CLN	ONT
1546	Lê Văn Thành	Lộc Thịnh	200,0	3572	TĐ 73-2021	CLN	ONT
1547	Trần Thị Hạnh	Lộc Thịnh	200,0	3573	TĐ 74-2021	CLN	ONT
1548	Lê Xuân Khánh	Lộc Thịnh	800,0	107	0	CLN	ONT
1549	Lê Xuân Khánh	Lộc Thịnh	800,0	108	0	CLN	ONT
1550	Huỳnh Hùng Dũng	Lộc Thịnh	100,0	926	0	CLN	ONT
1551	Phan Thanh Lộc	Lộc Thịnh	500,0	4942	TĐ 239-2021	CLN	ONT
1552	Nguyễn Văn Dũng	Lộc Thịnh	36,3	224	28	TMD	ONT
1553	Trịnh Lương Sơn	Lộc Thuận	4.000,0	23, 27	1	CLN	ONT
1554	Hồ Thị Bích Thuận	Lộc Thuận	400,0	1764	TĐ 42-2021	CLN	ONT
1555	Hoàng Tuấn Nghĩa	Lộc Thuận	100,0	141	5	CLN	ONT
1556	Hoàng Thế Nam	Lộc Thuận	400,0	1759	TĐ 36 – 2021	CLN	ONT
1557	Hồ Thị Mỹ Trang	Lộc Thuận	600,0	1800	TĐ 60 – 2021	CLN	ONT
1558	Lê Ngọc Văn	Lộc Thuận	100,0	909	0	CLN	ONT
1559	Phạm Thị Tân	Lộc Thuận	200,0	1500	TĐ 75 – 2018	CLN	ONT
1560	Bùi Thị Tuyết Trinh (Tòng)	Lộc Thuận	2.400,0	1208	TĐ 06-2020	CLN	ONT
1561	Nguyễn Văn Thương	Lộc Thuận	100,0	885	0	CLN	ONT
1562	Nguyễn Dũng	Lộc Thuận	400,0	114	5	CLN	ONT
1563	Trần Đình Văn	Lộc Thuận	200,0	1385	TĐ 255-2020	CLN	ONT
1564	Nguyễn Thị Hải	Lộc Thuận	200,0	1654	TĐ 123-2020	CLN	ONT
1565	Nguyễn Xuân Trà	Lộc Thuận	400,0	1683	TĐ 144-2020	CLN	ONT
1566	Bùi Bá Tùng	Lộc Thuận	700,0	1821	TĐ 80-2021	CLN	ONT
1567	Mai Thị Tùm	Lộc Thuận	100,0	48	0	CLN	ONT
1568	Võ Thanh	Lộc Thuận	400,0	661	TĐ 10 -2019	CLN	ONT
1569	Ngô Thị Tư	Lộc Thuận	100,0	759	0	CLN	ONT
1570	Nguyễn Văn Sơn	Lộc Thuận	200,0	1484	0	CLN	ONT
1571	Phú Thị Kim Trang	Lộc Thuận	200,0	614	0	CLN	ONT
1572	Mai Xuân Thắng	Lộc Thuận	100,0	1825	TĐ 3505-2021	CLN	ONT
1573	Nguyễn Thị Kiều Mi	Lộc Thuận	100,0	1822	TĐ 3502-2021	CLN	ONT
1574	Nguyễn Thị Thanh Mùi	Lộc Thuận	400,0	1808	TĐ 70-2021	CLN	ONT
1575	Trần Duy Lợi	Lộc Thuận	300,0	1699	TĐ 178-2020	CLN	ONT
1576	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lộc Thuận	700,0	1821	TĐ 80-2021	CLN	ONT
1577	Trần Xuân Nghiêm	Lộc Thuận	900,0	453	TĐ 90-2021	CLN	ONT
1578	Nguyễn Sơn Hà	Lộc Thuận	300,0	1700	TĐ 186-2020	CLN	ONT
1579	Đoàn Duy Trung	Lộc Thuận	200,0	475	4	CLN	ONT
1580	Phạm Văn Minh	Lộc Thuận	600,0	PVM	12	CLN	ONT
1581	Mai Thị Tùm	Lộc Thuận	200,0	48	0	CLN	ONT
1582	Võ Thanh	Lộc Thuận	400,0	661	TĐ 10-2019	CLN	ONT
1583	Cao Thị Ngọc Hà	Lộc Thuận	200,0	1046	TĐ 39-2019	CLN	ONT
1584	Ngô Văn Tư	Lộc Thuận	100,0	759	0	CLN	ONT
1585	Bùi Văn Tý	Lộc Thuận	400,0	1674	TĐ 135-2020	CLN	ONT
1586	Nguyễn Văn Sơn	Lộc Thuận	200,0	1484	0	CLN	ONT
1587	Nguyễn Thị Ân	Lộc Thuận	400,0	1738	TĐ 15-2021	CLN	ONT
1588	Phú Thị Kim Trang	Lộc Thuận	200,0	614	0	CLN	ONT
1589	Điền Mít	Lộc Thuận	100,0	74	7	CLN	ONT
1590	Nguyễn Thị Diễm Hương	Lộc Thuận	100,0	474	4	CLN	ONT
1591	Nguyễn Thị Liên	Lộc Thuận	100,0	1		CLN	ONT
1592	Trần Tuấn Anh	Lộc Thuận	900,0	144	7	CLN	ONT
1593	Nguyễn Thị Thùy Niên	Lộc Thuận	200,0	830	0	CLN	ONT
1594	Hoàng Tư Nghĩa	Lộc Thuận	100,0	141	5	CLN	ONT
1595	Hồ Hữu An	Lộc Thuận	200,0	23A	12	CLN	ONT
1596	Đoàn Thị Kim Anh	Lộc Thuận	400,0	125	7	CLN	ONT
1597	Lê Ngọc Khang	Lộc Thuận	200,0	1289	TĐ 151-2020	CLN	ONT
1598	Phạm Thị Tân	Lộc Thuận	200,0	1500	TĐ 75-2018	CLN	ONT

II	Nhu cầu chuyển sang đất ở đô thị (ODT)		35 3.750,0				
1	Nguyễn Văn Hiền	TT. Lộc	250,0	34	44	CLN	ODT
2	Hoàng Thiên Hữu	TT. Lộc	1.400,0	35	38	CLN	ODT
3	Trần Thị Lan	TT. Lộc	400,0	56	36	CLN	ODT
4	Trần Thị Lan	TT. Lộc	400,0	57	36	CLN	ODT
5	Hứa Thị Lũy	TT. Lộc	100,0	246	14	CLN	ODT
6	Hồ Xuân Long	TT. Lộc	400,0	157	30	CLN	ODT
7	Nguyễn Bồi	TT. Lộc	100,0	91	20	CLN	ODT
8	Nguyễn Mạnh Dũng	TT. Lộc	300,0	216	7	CLN	ODT
9	Nguyễn Quốc Đạt	TT. Lộc	300,0	25	6	CLN	ODT
10	Ngô Văn Đạt	TT. Lộc	100,0	10	39	CLN	ODT
III	Chuyển mục đích nội bộ đất nông nghiệp		79.297,3				
1	Trần Minh Hải	Lộc Hiệp	218,0	157	8	NTS	CLN
2	Huỳnh Sơn Hứa	Lộc Hưng	2.158,0	156	12	HNK	CLN
3	Huỳnh Sơn Hứa	Lộc Hưng	5.681,0	155	12	HNK	CLN
4	Trần Thị Hương	Lộc Khánh	3.421,0	121	12	HNK	CLN
5	Vũ Đình An	Lộc Thành	58.032,8	3385	TĐ 45-2020	NHK	CLN
6	Ngô Công Chương	Lộc Điền	2.655,5	438	10	HNK	CLN
7	Điền Sương	Lộc Hòa	7.131,0	32, 71	3	ĐM	CLN
IV	Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất thương mại dịch vụ		1.600,0				
1	Phan Thành	Lộc Quang	1.000,0	504	12	CLN	TMD, SKC
2	Hoàng Lê Dũng	Lộc Thịnh	600,0	849	0	ONT	TMD, SKC
Tổng			1.180.064,6				

Ghi chú:

CLN: Đất trồng cây lâu năm (quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ODT: Đất ở tại đô thị (quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

HNK: Đất trồng cây hàng năm khác (quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ONT: Đất ở tại nông thôn (quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TMD: Đất thương mại, dịch vụ (quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

LNC: Đất trồng cây lâu năm (quy định tại Thông tư 08/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007 của Bộ Tài nguyên và môi trường)

ĐM: Ghi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng của cá nhân. Hiện nay, theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường là đất trồng cây hàng năm khác và kí hiệu là HNK

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản (quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Ấn
B
M
T